

NĂM THỨ 2
Số 16

Thang, Juillet
và Août 1935

VIỆ NAM



不惑之宮

法界學會月刊

Nguyệt-Sau Phạt-Học

Nam-mô Bồn-su

Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh

PHẬT-HOC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SU

Diệu-Đề tự Trụ-Tri: Giác-Tiên

Tây-Ba tự Trụ-Tri: Giác-Nhiên

{ Duyệt-y

Phật Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế: Lê-Đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ	
- Giác chiêm-bao (Châu-Hải)	3
II. — ĐIỀN-ĐÀN	
- Pháp (tiếp theo) Thích-Mật-Khế	5
- Tăng (Thích-Mật-Nguyễn)	13
III. — NGÔN-LUẬN	
- Hiện-trạng Phật-Giáo-dồ ở xứ ta (N. Xuân-Thanh)	19
- Chơn-ly (Châu-Hải)	27
- Một nha chơn-chánh học Phật là một nhà đại-lao-động giữa xã-hội (N. Xuân-Thanh)	32
IV. — THƯƠNG-LUẬN	
- Duy-tâm Phật-học tạp-chí (Viên-Âm)	53
- Ý-KIẾN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HOC	
- Thế nào là học Phật (Diệu-Không)	37
V. — KINH-HOC	
- Đại-y kinh Thũ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo) (Viên-Âm)	41
- Kinh Thũ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo) (Viên-Âm)	42
VI. — LUẬN-HOC	
- Tâm-Vương và tâm-sở (tiếp theo) (Viên-Âm)	49
VII. — SỰ TÍCH	
- Sự đức Phật Thích-Ca (tiếp theo và hết)	57
VIII. — TIÊU TỨC	
- Trả lời thơ ông Hoàng-hữn-Khác	61



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị-dịnh quan Toàn-quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp-văn.

Giá nguyệt san.....

{	mỗi năm.....	2\$00
	nửa năm.....	1\$10
	mỗi quyển....	0\$20

Hội Phật-Học tặng không nguyệt-san này cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chun Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN : 5 Rue Champeau — HUÉ

Thơ từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THÁM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ

Boîte postale n° 73

PHỔ-CÁO

Các ngài vi đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ nguyệt san Bulletin d'abonnement, rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản-San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san đề thế biên-lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gửi thơ thương lượng trước.



QUYỀN ĐÀU NGỦ

Giấc - chiêm - bao



Một hôm tôi mệt quá, ngủ mê để bàn tay lên ngực, liền nằm chiêm bao thấy một người vạm vỡ, mặt mày dữ tợn đến gần bên tôi dơ bàn tay to lớn dị thường đè trên ngực tôi, làm cho tôi gần đứt hơi thở. Lúc ấy tâm-trí tôi tự nghĩ: « người ấy to lớn, sức mạnh vô cùng nay đã muốn làm hại thì chắc mình phải chết, nhưng dầu có chết cũng chỉ chết cái thân-thể mà thôi, chớ cái thường-trụ chơn-tâm vẫn bất sanh bất diệt; hiện nay cái chết đã gần tới nơi thì phải chánh niệm niệm Phật, không kể đến cái thân này đặng nhờ Phật tiếp-dẫn về Cực-Lạc Thế-giới. » Vừa nghĩ như vậy, tôi vừa niệm Phật thì người ấy biến đi đâu mất, tôi sực tỉnh dậy thấy cái tay đang còn đè trên ngực và nghe trong ngực đương còn lúc.

Bỏ tay xuống, bình tâm suy nghĩ: « Cái tay vẫn là tay của tôi, ngực vẫn là ngực của tôi, tay đè lên ngực làm tức ngực là thiệt sự, còn cái người to lớn kia thì từ đâu đưa tới. Nói rằng không có thì người ấy đương lúc chiêm-bao tôi vẫn thấy rõ, vẫn sờ được, vẫn nắm được; mà nói rằng có thì sao khi tôi đã tỉnh dậy lại không còn tăm dạng chi cả. Hiện nay tôi tỉnh đây, những sự thấy nghe hay biết xét ra cũng chẳng khác gì trong lúc chiêm-bao; biết đâu rằng đến khi tôi tỉnh lại một lần thứ hai, cảnh-giới hiện thời của tôi đây không tiêu-diệt như người to lớn ấy ». Tôi nghĩ, rồi tôi lại xét đến chuyện về sau, sau xa này mà phải ghê sợ. Cái tay đè trên ngực chẳng làm tức bao nhiêu mà đã thấy chiêm-bao dữ dội thế kia, phỏng như đến khi tôi gần chết, tri-giác đã mê man như khi ngủ, thân thể lại đau đớn

bội phần, thời cái chiêm-bao về sau này nó sẽ dữ tợn đến chừng nào nữa? Chẳng những nó dữ tợn, mà nó lại kéo dài, vì không thể tịnh dấy, nó kéo dài cho đến khi ý-thức tiêu-diệt.

Trong lúc ấy, nếu không biết tự giải-thoát thì còn biết nương dựa vào đâu mà cứu mình ra khỏi khổ. Trong kinh Phật thường nói sống khổ, đau khổ, già khổ, chết khổ; ba cái khổ trước dễ thấy, duy cái khổ trong khi chết thiệt khó biết đến gần nào, mới nghiệm qua đã phải dặt mình và phát lòng tinh-lấn tu hành theo Phật-pháp dạng giải-thoát ra ngoài vòng luân-hồi sanh-tử.

CHÂU - HẢI.



KÍNH CAO ĐỘC - GIẢ

Viên-Âm mấy lâu nay ra có chậm, nên trong một năm không ra đủ 12 kỳ, vậy xin các độc-giả đồng niên cứ kể từ số 1 đến số 12 là một năm, từ số 13 đến số 24 là một năm, vân vân.

Ngài nào tiếp không đủ số, xin viết thư cho chúng tôi biết dạng chúng tôi hỏi lại nhà giấy thép.

Viên - Âm





DIỄN ĐÀN

Bài giảng hôm rằm tháng chạp năm Bảo-Đại thứ tám (29
Janvier 1934) tại Phật-Học-Hội, chùa Từ Quang Huế

PHÁP

(tiếp theo)

Dụng

Dụng là hiệu-dụng, như cơm để nuôi sống, áo
để che thân vậy.

Toàn-thể các pháp vẫn là duyên-khỉ như-huyền, nhưng
trong chỗ duyên-khỉ ấy, có *nhơn* thì có *quả*, *mấy*
mùn không sai. Vì vậy nên đủ *nhơn-duyên* của nghiệp
người mới hiện ra cảnh-giới người, đủ *nhơn-duyên* của
nghiệp Địa-ngục mới hiện ra cảnh-giới Địa-ngục, cho
đến đủ *nhơn* duyên thành Phật thành Bồ-Tát thời
mới được thành Phật thành Bồ-Tát. Pháp-tánh, chúng
sinh vẫn có thì cái dụng của pháp tánh, chúng sinh
cũng vẫn có, chỉ vì chúng sinh không biết pháp-tánh
là bình-đẳng như-như, không biết pháp-tướng là duyên
khỉ như-huyền, nên mới gây *nhơn* chúng sinh rồi chịu
quả chúng sinh đời đời kiếp kiếp.

Vậy muốn khỏi làm chúng sinh thì cần phải y như
Phật pháp mà tu hành, bỏ cái *nhơn* làm chúng sinh,
mà tu cái *nhơn* không làm chúng sinh thời về sau
mới chắc được cái quả ra khỏi luân hồi sanh tử.

Nghiệp-nhơn của chúng sanh tóm lại không ngoài 10 kiết-sử là : *tham, sân, si, mạng, nghi, thân-kiến, biên kiến, kiến-thủ giới-thủ, tà-kiến*. Mười môn ấy làm nhơn, gây ra những nghiệp sát, đạo, dâm, làm cho chúng sanh phải luân hồi đời đời kiếp kiếp.

Các bậc *tiểu thừa* xét rõ như vậy, nên hoặc quán « *nhứt thể pháp không* » (thành thực tôn), hoặc quán « *nhứt thể pháp giả* » (cụ xá tôn), đoạn trừ kiết-sử, phá tan ngã-chấp mà chứng được *Vô-Dur Niệt-Bàn* của các bậc A-La-Hán.

Phép *tiểu thừa* là bước đầu tiên của những người tu hành Phật-pháp, nên đầu những người tu theo phép đại thừa cũng phải trải qua những tầng bậc ấy, chỉ không dừng lại ở từng bậc ấy mà thôi.

Trong xứ ta hiện nay chỉ có *đại thừa*, vậy tôi xin giảng diễn riêng về cái dụng của đại thừa Phật-pháp, nghĩa là *tám tôn đại thừa của đạo Phật*.

1) Luật-Tôn

Luật là một tạng trong ba tạng kinh điển do ngài *Ưu-Bà-Li* kiết tập. Ngài *Ưu-Bà-Li* là vị đại đệ tử *trì giới đệ nhất* của Phật; ngài chỉ một mặt tu phép *trì giới* cho đến các giới vi tế, đặng trước tu thân, sau nhiếp tâm và chứng đặng đạo quả.

Luật tạng truyền qua Trung quốc chưa đặng bao nhiêu, sau nhờ ngài *Đạo-Tuyên* đời nhà Đường tu theo luật tạng, minh tâm kiến tánh, *sớ-giải* rất nhiều, nên mới thành lập được luật tôn ở Trung quốc. Ngài *Đạo-Tuyên* ở *Chung-Nam-Sơn* nên đời sau cũng gọi Luật tôn là *Nam-Sơn-Tôn*.

Giới luật là cơ sở của sự tu chứng, nên đầu tôn nào cũng phải giữ giới cả. Phép tu về Luật tôn rất chắc chắn và mau có hiệu quả, miêng giữ đủ các giới luật Phật, thân tâm không loạn động, thời quyết định được giải thoát.

II) Thuyền-Tôn

Tôn này không lập văn-tự, chỉ một mặt *tham thuyền* cho tự biết tâm-tánh mà thôi.

Từ khi « niêm hoa vi tiếu », đức Thích-Ca phú cho ngài *Ca-Diếp* « chánh-pháp nhãn-tạng, Niệt-bàn diệu-tâm » và truyền y bát, đến ngài *Bồ-Đề Đạt-Ma* là được 28 đời. Ngài *Bồ-Đề Đạt-Ma* vượt bể sang nước Tàu truyền y bát cho ngài *Huệ-Khả*, là đệ nhị tổ bên Đông-Độ. Đến ngài tổ thứ sáu là ngài *Huệ-Năng* mới bỏ lệ truyền y, chỉ truyền pháp mà thôi. Từ đó đời đời tương truyền, lần chia ra năm phái là: *Huy-Ngưông*, *Lâm-Tế*, *Tào-Động*, *Vân-Môn* và *Pháp-Nhân*.

Thuyền là phép *chỉ-quán*, ai đã tu theo đạo Phật, đầu tiên-thừa hay đại-thừa, cũng phải dùng phép chỉ-quán, nghĩa là ngưng tâm một cảnh để phát trí-huệ mà chứng rõ sự thật; song vì tôn này dạy riêng phép thuyền cao diệu gọi rằng *Tổ-Sư-Thuyền*, tức là phép « trực-chỉ nhơn-tâm, kiến-tánh thành Phật », nên mới có tên riêng là *Thuyền-tôn*. Thuyền-tôn không cần có văn-tự, nhưng cốt phải có minh-sư chỉ vẽ đường đi nước bước mới khỏi sự lầm lạc.

III) Tam-luận-tôn

Tam-Luận-Tôn nương theo *Trung-luận*, *Bách-luận*, *Thập-nhi-môn-luận*, *Đại-Trí-Độ-luận* mà kiến-lập, song vì *Đại-Trí-Độ-luận* là sở nên đề riêng ra mà chỉ gọi là *Tam-luận-tôn*. Tôn này cũng có tên là *Trung-Quán-tôn*, là *Bát-Nhã-tôn* hay là *Gia-Tưông-tôn*.

Tam-luận-tôn kiến-lập tại Ấn-Độ do ngài *Long-Thọ*, ngài *Đề-Bà* tạo-luận, truyền xuống cho ngài *La-Hầu-La*, ngài *Thanh-Mục*, ngài *Ta-Xa-Vương-Lữ*, cho đến ngài *Cưu-Ma-La-Thập*.

Ngài *Cưu-Ma-La-Thập* qua Tàu, dịch *Tam-luận* ra và hoằng-dương lý nghĩa. Về sau, nhờ các bậc đại-đệ-tử của ngài *La-Thập* sơ giải rõ ràng nên tôn ấy được thịnh-

hành ở Trung-Quốc trong một lúc, rồi lại phải suy-vi. Sau nhờ ngài *Gia-Tường-Kiết-tạng* sơ rộng Tam-luận, tôi ấy được thanh-hành hơn 100 năm nữa, chỉ vì học-thuyết của Tam-luận-tôn lời nói dễ dàng mà ý nghĩa sâu xa nên về sau thiếu kẻ truyền thừa và phải suy lạc.

Tam-luận-tôn chuyên giảng về mặt *chơn-không* theo phép *Nhơn-Minh*, phá cả các hi-luận mê chấp của phàm-ngu và kiến-lập nghĩa chơn-không của đại-thừa Phật-giáo.

Tam-Luận-tôn vừa lập vừa phá, phá cho đến chỗ không thể phá thì mới chứng được « *trung-đạo đệ-nhứt-nghĩa không* » tức là pháp-thân của chư Phật.

IV) Duy-thức-tôn

Duy-Thức-tôn cũng gọi là *Pháp-tướng-tôn* là một tôn kiến-lập từ Ấn-độ, truyền qua Trung-Quốc về đời nhà Đường.

Nguyên từ khi ngài Long-Thọ, ngài Đề-Bà tuyên-dương Tam luận, khai-thị phép chơn-không, chứng sanh nương-theo đó tu tập, lắm người đắc đạo. Về sau, nhiều kẻ thiện-căn chưa đủ, nghe nói không thì chấp không, nên ngài *Vô-Trước Bồ-Tát* phải thừa đức *Di-Lạc* xuống tuyên-dương các luận để khai-thị « *trung-đạo diệu-đế* » ; Ngài lại cùng em là ngài *Thiên-Thân Bồ-Tát* tạo ra nhiều luận chỉ về nghĩa duy-thức ; từ đó Duy-Thức-Tôn mới thành-lập.

Tôn này nương theo kinh Hoa-Nghiêm, kinh *Lãng-Già*, kinh *Giải-Thâm-Mật*, kinh *Mật-Nghiêm*, kinh Đại-thừa A-Tỳ-đạt-Ma và kinh Như-Lai Công-đức xuất-hiện (hai kinh sau này chưa dịch) mà làm chơn đứng, lại nương theo 12 bộ luận : 5 bộ của ngài Di-Lạc, 3 bộ của ngài Vô-Trước, 4 bộ của ngài Thiên-Thân mà rộng bày Tôn-chỉ, nên lý, sự đều rất ráo, văn-nghĩa đều viên-mãn. Những người đạo Phật ai cũng nên học một vài bộ luận của tôn này thì mới chắc khỏi những sự sai lầm và hiểu rõ giáo-lý của đạo Phật.

Tôn này lúc mới thành-lập rất thanh-hành bên Ấn-độ, có nhiều vị Đại-sur sơ thích các luận cho rõ ràng thêm, hay như là các bản giải-thích của ngài *Hộ-Pháp Bồ-Tát*,

Khi ngài *Huyền-Trang Pháp-Sư* sang Ấn-độ, ngài học lý nghĩa của tôn này với ngài *Giới-Hiền*, rồi đem các kinh luận về, dịch lại và truyền ở Trung-quốc. Học trò ngài *Huyền-Trang* là ngài *Từ Ân-Khuy-Cơ* lại sơ giải rộng thêm ra, làm cho nghĩa-lý của *Duy-Thức-tôn* càng thêm tỏ rõ.

Tôn này chuyên giảng về nghĩa *vạn-pháp duy-thức*, chỉ rõ hành-tướng của bát-thức một cách rất rõ ràng, bày phép quán *Duy-thức* cho đến khi an-trụ *duy-thức-tánh* tức là chứng được pháp-thân của chư Phật.

V) Chơn-ngôn-tôn

Chơn-Ngôn-tôn tức là *Mật-tôn*, là một tôn phát-hiện từ bên Ấn-độ do ngài *Long-Thọ* truyền cho ngài *Long-Trí* và do ngài *Thiện-vô-Úy* và ngài *Bất-Không* truyền sang Trung-Quốc. Tôn này chuyên về mật trì chơn-ngôn, quán các chữ *chứng-tử* mà đặng giải-thoát. Phép tu này có hai cách, một là tu về lục-thông cho đến khi chứng đặng *Lậu-Tận-thông* thì đặng giải-thoát, hai là tu về « tam-Mật-gia-tri » cho đến khi *thần-mật khẩu-mật ý-mật* đều dung-hiệp với tam-mật của chư Phật, thì chứng đặng *Như-lai bình-đẳng pháp-thân*.

VI) Tịnh-độ-tôn

Tịnh-Độ-tôn sáng-lập từ lúc Phật còn tại-thế, cốt nương theo bất-tr-nghi diệu-dụng của chư Phật mà tu chứng. Phép tu ấy cốt nơi chuyên tâm niệm Phật để vãng-sanh về *Tịnh-Độ* của các đức Phật.

Thập phương *Tịnh-Độ* vẫn nhiều, nên phép tu hành để vãng sanh *Tịnh-Độ* cũng nhiều, song tín-đồ đạo Phật hiện thời chỉ tu về năm cõi *Tịnh-Độ* là *Di-Đà Tịnh-Độ*, *Dược-sư Tịnh-Độ*, *Di-Lặc Tịnh-Độ*, *Quán-Âm Tịnh-Độ* và *Địa-Tạng Tịnh-Độ*. Về xứ ta thì chỉ tu về *Tây-phương Tịnh-Độ* của đức Phật *A-Di-Đà* mà thôi. Trống mỗi mỗi *Tịnh-Độ* lại có

bốn cõi, từ « Phạm-Thánh-đồng-cư-độ », cho đến « Thường-lịch-quang-độ ».

Phép tu theo Tịnh-Độ-tôn đã nói rõ ràng trong những bài giảng về phép niệm Phật. Đến khi «*nhứt tâm bất loạn*» được vãng-sanh về Tịnh-Độ, trông thấy đức Phật và nghe được Phật pháp thì về sau quyết định phải thành Phật.

VII) Thiên-Thai-tôn

Thiên Thai tôn cũng gọi là *Pháp-Hoa tôn*; tôn này kiến lập ở Tàu do ngài *Bắc-Tề-Huế-Văn* quán đại-trí-độ luận và Trung-luận mà ngộ đạo, truyền cho ngài *Nam-Nhạc-Huệ-Tư* phép «*nhứt tâm tam quán*». Ngài Huệ-Tư tu theo kinh Pháp-Hoa, chứng «*An-lạc hạnh Tam-muội*» và truyền kinh Pháp-Hoa cho ngài *Thiên-Thai-Trí-Giả*. Ngài Thiên-Thai-Trí-Giả nhưn tụng kinh Pháp-Hoa, ngộ được «*Pháp Hoa tam muội*», giảng diễn Pháp-Hoa, phân tĩa giáo lý rất tinh tường; lập ra nghĩa “*nhứt niệm tam thiên, bách giới thiên như, nhứt không nhứt thế không, nhứt giả nhứt thế giả, nhứt trung nhứt thế trung*”, nên mới biệt lập ra một tôn phái gọi là Thiên-Thai tôn.

Phép tu của Thiên-Thai tôn cốt nơi *tam-chỉ tam-quán*, do chơn đế mà lập ra *không quán*, do tục đế mà lập ra *giã quán*, do trung đế mà lập ra *trung-đạo quán* nghĩa là do lý thể của tam đế mà lập ra trí dụng của tam quán. Song lý thể vẫn một, toàn là nhứt tâm, chỉ vì trí dụng sai khác nên mới lập thành tam quán.

Quán trí là huệ; quán trí đã thành lập, lại phải lập ra tam chỉ là về định: nhưn nơi quán không mà lập “*thê chơn chỉ*” nhưn nơi quán giả mà lập “*phương tiện tùy duyên chỉ*”, nhưn nơi quán trung đạo mà lập “*tức nhị biên phân biệt chỉ*”. Tam chỉ, tam quán đã thành lập, định, huệ đều cân nhau mới do “*bất tư nghì nhứt niệm tam thiên diệu đế*” mà lập ra *viên quán*, nghĩa là

quán “nhứt không nhứt thể không, nhứt giả nhứt thể giả, nhứt trung nhứt thể trung, tức không tức giả tức trung bình đẳng bất nhị, bất nhị bình đẳng” rồi mới chúng được *chơn như thiệt tướng*, tức là chúng được pháp thân của chư Phật.

VIII) Hiền - Thủ - Tôn

Hiền - Thủ - tôn cũng gọi là *Hoa - Nghiêm - tôn* hay *Thanh - Lương - tôn* là một tôn sáng - lập ở nước Tàu về đời nhà Tùy.

Ngài *Đỗ - Thuận* tu thuyền, nhơn tụng kinh *Hoa - Nghiêm* mà ngộ đạo, truyền phép “*Pháp-giới tam-quán thập huyền*” cho ngài *Trí - Nghiêm*. Ngài *Trí - Nghiêm* cũng chuyên giảng *Hoa - Nghiêm*, xiêng - dương, lý thập-huyền của ngài *Đỗ - Thuận*, lại lập ra thuyết *ngũ giáo* và y theo thập-địa luận, lập ra phép *lục - tướng quán*. *Đệ - tam - tổ* là ngài *Hiền - Thủ* tập thành học thuyết của hai vị tổ trước và dựng lên *Hoa-nghiêm-tôn*. Ngài *Hiền-Thủ* không có học trò kế thừa nên giáo pháp của tôn này lúc ấy chưa dặng xương minh cho lắm. Về sau có ngài *Thanh-Lương* Quốc-sư là *đệ-tứ-tổ* làm *Hoa-Nghiêm* *sớ-sao*, *Hoa-Nghiêm* *huyền-dâm*, hoẵng dương kinh *Hoa-Nghiêm* một cách rất rõ ráo thì tôn này mới thịnh hành. Ngài *Khuê-Phong* là *đệ ngũ tổ*, lại *sớ* kinh *Viên-Giác*; kinh ấy tuy lý không được viên như kinh *Hoa-Nghiêm*, nhưng cũng là một nấc thang cần phải có để đem vào *Hoa-Nghiêm* cảnh giới.

Hiền-Thủ tôn chuyên giảng về “*pháp giới duyên-khī trùng trùng vô tận*” lý nghĩa rất viên mãn; song chỗ đặc biệt là “*ngũ trùng pháp giới*”: Sự pháp-giới, lý pháp-giới, lý sự vô ngại pháp-giới, sự sự vô ngại pháp-giới và nhứt chơn pháp-giới. Tôn này dạy phải chính nơi sự pháp-giới mà quán lý pháp-giới, rồi dung hiệp sự lý, quán “*lý sự vô ngại pháp-giới*”, rồi tức sự là lý, quán “*sự sự vô ngại pháp-giới*”, cho đến chỗ tuyệt đối không có sai biệt, không có an lập, không thể phò bày, tuy bốn pháp-giới không đồng mà một tức là bốn, bốn tức

là một, một không ngoài bốn, bốn không rời một thì mới thiết chứng “*nhứt chơn pháp-giới*”.

Tôn-Hoa-Nghiêm lý nghĩa trùng trùng, đối với một pháp một sự cũng có thể quán về *lục-tướng*, hay về *thập huyền* đến chỗ “*pháp-giới duyên-khĩ, để-võng trùng trùng*”, không những chỉ quán về “*ngũ trùng pháp giới*” mà thôi, đến khi chứng được “*nhứt-chơn pháp-giới*” tức là chứng pháp thân của chư Phật.

Tám tôn ấy bao quát toàn thể các phép tu của đại thừa Phật giáo, về sau hoặc bên Nhứt hay bên Tàu cũng có chia tôn, chia phái thêm nữa, nhưng cũng không ngoài tám tôn ấy được.

Phương pháp tu hành theo Phật giáo vẫn nhiều, nhưng cũng không ngoài hai phương pháp là: *thiệt-nghiệm* và *cảm-ứng*.

Mật-tôn và Tịnh-Độ-tôn là về mặt cảm-ứng, nên chỉ nương theo *Phật-lực* mà tu chứng.

Các tôn khác là về mặt thiết-nghiệm nên chỉ thiết hành *cải-tạo thân-tâm* cho được hoàn-toàn viên-mãn.

Tám tôn tuy có khác mà chỗ xu-hướng như nhau, vì đến khi thiết chứng tâm-tánh, thực-tướng, nhứt-chơn pháp-giới, chơn không, duy-thức tánh, giải-thoát-tánh cho đến tam-mật tương-ứng, nhứt-tâm-bất-loạn, thì cũng đều chứng *đặng bình-đẳng pháp-thân của Phật*.

Hiện nay ở xứ ta, trừ ra Tịnh-Độ-tôn, mấy tôn khác chưa được khoáng trương cho lắm; vậy tôi trông mong các ngài hết lòng hộ-pháp, hiệp đồng sưu cầu các kinh điển chưa có ở xứ ta và chấn hưng đủ cả tám tôn của đại thừa thì mới có thể độ khắp các cơ, công đức về sau kể sau cho xiết.

Trúc-lâm Thích-mật-Khế giảng

DIỄN ĐÀN

(Bài giảng hôm rằm tháng giêng năm Bảo-Đại thứ chín (28
Février 1934) tại Phật-Học-Hội, chùa Từ-Quang HUÉ).

T ăng

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Hai kỳ trước đã giảng về nghĩa chữ Phật và chữ Pháp rồi, kỳ này tôi xin giảng về chữ Tăng.

Nghĩa chữ Tăng theo lối phổ-thông nước ta thì thường dịch là thầy. Song chữ thầy trong thế-gian đại-khái có hai nghĩa :

Một là về phần giáo-dục, để dùng cho những bậc có tư-cách làm mô-phạm cho mình, như con gọi cha bằng thầy, học trò gọi thầy giáo bằng thầy, vân vân.

Hai là về phần lễ phép để dùng cho những bậc có học-thức chuyên-môn, như trong tiếng thầy bói, thầy thuốc.

Hai nghĩa ấy là nghĩa chữ sư chứ không phải nghĩa chữ tăng. Như thầy giáo theo chữ Tàu thì phải dịch là giáo-sư, thầy bói thì phải dịch là bốc-sư, vân vân.

Vậy đem tiếng thầy mà cắt nghĩa chữ Tăng thì có phần không đúng, vì thiệt nghĩa chữ Tăng là hòa-hài hiệp-tu đích quần-chúng, nghĩa là một quần-chúng nhóm hiệp cùng nhau và hòa thuận cùng nhau. (和 諧 合 聚 的 群 象)

Trong nước ta lâu nay cắt nghĩa chữ tăng là thầy, thành ra thói quen, hề thấy ông nào đầu tròn áo vuông thì đều gọi là ông tăng ; thậm chí đến một ông thầy tu cũng tự xưng là « mỗ mỗ tự tăng vân vân », dùng như vậy là không đúng nghĩa chữ tăng một chút nào cả.

Chữ tăng là tiếng Phạm, nói một chữ tăng là nói tất, thiết ra thì phải nói tăng-gia, hoặc tăng-già-gia; nghĩa chữ tăng rộng lắm, nếu dịch ra một chữ Tàu thì không có chữ, mà nếu dịch ra đến bảy chữ thì phiền phức, nên phải để nguyên-âm của Ấn-Độ.

Thiết ra chữ tăng nghĩa là một đoàn-thể nhóm hiệp, hòa thuận cùng nhau về các phương-diện; mà một đoàn-thể ít nữa cũng phải ba người trở lên, lại phải nhóm hiệp một chỗ, phải hòa-hài cùng nhau thì mới có thể gọi là tăng được. Theo luật Phật, một chúng ít nữa cũng bốn người, phòng khi một người có lỗi thì ba người hội hiệp xử đoán.

Chữ tăng là chỉ về đoàn-thể, tiếng thầy là chỉ về cá-nhơn; vậy thì biết lối thông thường dịch chữ tăng là thầy, thiết không đúng nghĩa.

Theo nghĩa « hòa-hài hiệp-tụ đích quần-chúng » thời đầu thế-gian hay xuất thế-gian miễn có hơn ba người hòa hiệp tụ hội làm một đoàn-thể, thì cũng có thể kêu là tăng được. Như trong một gia-đình, vợ, chồng, con cái đoàn-tụ cùng nhau, hòa hảo cùng nhau, biết yêu quý nhau, biết lo làm việc lợi ích chung trong gia-đình thì cũng có thể gọi là tăng; cho đến trong một nước, trong một xã-hội, trên thuận dưới hòa, người người đều giữ trật-tự, đều biết bổn phận, đều an cư lạc nghiệp đặng cùng nhau lo lợi ích chung thì cũng có thể gọi là tăng được.

Nói rộng ra nữa thì tất cả các pháp đều là non-duyên-sanh, pháp nào cũng phải đủ các non, đủ các duyên hòa hiệp cùng nhau mới thành, thời pháp nào cũng là hòa-hài hiệp-tụ đích quần-chúng.

Vậy thì biết chẳng những thân các ông thầy là tăng mà tất cả chúng-sanh cũng là tăng, tam thiên thế-giới là tăng, mà hạt bụi cũng là tăng, từ bi hỉ xả là tăng, mà ưa ghét buồn sợ cũng là tăng; tất cả các pháp đều tâm-pháp hay sắc-pháp cũng đều do non-duyên hòa- hiệp tạo thành thì tất cả các pháp đều là tăng: Một

thề tăng trùm khắp cả pháp-giới nên cũng có thể gọi là vạn pháp duy tăng.

Nói đến nghĩa vạn pháp duy tăng thời có phần rộng quá, hiện nay tôi xin giảng riêng về *tăng-già của Phật-pháp* mà thôi.

Nói về sự thì một đoàn-thề hòa-hải hiệp-tu của đạo Phật cần phải có sáu món hòa hiệp :

1) *Thân hòa đồng trụ.* — Nghĩa là thân-thề đều hòa-hiệp ở chung một chỗ, không được nhà ai nấy ở ; lạnh cùng nhau chịu lạnh, nóng cùng nhau chịu nóng, dầu tranh hay ngồi, dầu tốt hay xấu, cũng nhóm họp cùng nhau ở chung một chỗ.

2) *Khẩu hòa vô tránh.* — Nghĩa là đối với nhau phải dùng lời nói hòa-thuận, không có lời nói đối trá, dèm pha châm chích hay thô bỉ cộc cằn, lúc nào đối đãi với nhau cũng dùng lời nói ôn-tôn, khiến cho người được nghe câu nói ấy có phần lợi ích về đường tu tập.

3) *Ý hòa đồng duyệt.* — Nghĩa là bao giờ cũng yêu mến nhau, quý trọng nhau, không có lòng sân si tật đố.

4) *Kiến hòa đồng giải.* — Nghĩa là không chấp ý-kiến riêng của mình, nghĩ được điều gì cũng đem ra bàn luận cùng nhau đặng trao đổi tư-tưởng. Người giỏi dạy về người dốt, người hay dắt-dịu người dở, trông mong cả chúng đều hiểu biết như nhau đặng cùng nhau tu tập theo đạo-lý chơn-chánh.

5) *Giới hòa đồng tu.* — Nghĩa là đồng tu hành cùng nhau theo giới luật của Phật, ai phạm giới đều y luật chỉ trích và công-bình xử-đoán, không ghét bỏ mà cũng không thiên vị, thường khuyên răn nhau, nhắc-nhủ nhau để cho khỏi phạm giới.

6) *Lợi hòa đồng quán.* — Nghĩa là cùng nhau quán phân những sự lợi ích, dầu về đường tu học hay về phần vật-chất, không một ai được thọ-dùng riêng một món gì : một người được cúng-dường cái gì cũng chia cân cho cả chúng, một người tu được hạnh gì, học

được phép gì cũng chia cân cho cả chúng, trừ ra khi họ không thể lãnh thụ, chớ không bao giờ có lòng riêng tư.

Một đoàn-thể tăng-già đạo Phật ít nữa là bốn người, có đủ sáu món hòa-hiệp ấy mới được gọi là tăng-bảo. Song tuy nói tóm lại có sáu món hòa-hiệp, nhưng thiết ra trong một đoàn-thể tăng-già, ai ai cũng phải nhận cả chúng là mình mình là cả chúng, không có lòng tự-tự tự-lợi, ai ai cũng phải theo giới luật của Phật mà tu hành thì mới có thể gọi là hòa hài hiệp-tự đích quần-chúng được.

Đối với những bậc đại-thừa thời ngoài sáu món hòa-hiệp khi ở trong tăng chúng, lại còn nhận tất cả chúng sanh cùng mình đồng một hòa-hiệp-tăng, nghĩa là đồng an-trụ nơi pháp-giới-tánh, đồng ly ngôn-thuyết-trướng, đồng bản-lai thanh-tịnh, đồng có Phật-tánh, đồng ly ô-nhiễm, đồng viên-dung châu-biến, nên thường đem tâm từ-bi bình-đẳng mà hóa-độ chúng sanh, không luận tôn-giáo nào, xã-hội nào, thế-giới nào, sanh-loại nào cả; các bậc này nhận tất cả chúng sanh là mình, mình là tất cả chúng sanh, cùng ba đời, khắp mười phương từ thiên, nhưn cho đến cầm-thú không một chúng sanh nào là không hết lòng cứu vớt lên đường giải-thoát. Được như vậy mới gọi là Đại-thừa Bồ-Tát-Tăng của Phật-pháp.

Sáu món hòa-hiệp kia chẳng những về các đoàn-thể xuất-gia phải giữ mới thành tăng-bảo, mà trong gia-đình ngoài xã-hội, đoàn-thể nào cũng nên tùy địa-vị mình giữ sáu món ấy nghĩa là hề ở chung cùng nhau một nơi thì biết nói lời hòa-nbã, yêu mến kính nhường, trao-đổi ý-kiến, giữ-gìn pháp-luật và chia sót mỗi lợi ích cho nhau thì mới chắc được vui vẻ, hòa bình và khỏi những sự cạnh tranh lẫn hiếp, thương luân bại lý, cướp của hại người làm cho nhơn-loại phải chịu lầm đều khổ sở.

Đương buổi chấn-hưng Phật-học này, Phật-giáo-đồ dâu đâu cũng cần phải thiết-hành sáu món hòa-hiệp, trong sơn-môn, ngoài cư-sĩ, trong các Phật-Học-Hội, ngoài thế-gian đều nên một lòng bỏ cái tư-tám lo việc công ích, thời sự-nghịệp hoàng-dương Phật-pháp mới chắc mỗi ngày mỗi được tấn-bộ.

Nói về lý thì mỗi người đều là hòa-hiệp tăng, mỗi người đều có tự-tánh thanh-tịnh tăng nghĩa là đều có chơn-tâm bản-lai thường-trụ, trọn đủ tất cả xứng-tánh công-đức.

Chúng ta thử nghĩ nơi cái tánh nghe của chúng ta, khi nhỏ cũng nghe, khi lớn cũng nghe, khi có tiếng cũng nghe, khi không tiếng cũng nghe, khi thức biết người biết mình cũng nghe, khi ngủ không biết chi mà cũng nghe, phía trước cũng nghe, phía sau cũng nghe, cái tánh nghe như vậy nó không trẻ không già, không thay không đổi, nào phải sanh diệt vô-thường mà có sống có chết. Lại nữa, muôn sự muôn vật đều là sở-tri, cái tánh phân-biệt của chúng ta là năng-tri; có năng-tri mới hóa ra có sở-tri, thì muôn sự muôn vật đều do sự phân-biệt của chúng ta mà hóa thành ra cả.

Bình-tâm mà suy-nghiệm, cái tánh rộng lớn như kia, cái tánh thường-trụ như kia nào phải là của ai, chỉ vì chúng ta không tự biết, nhận giả làm chơn nên phải vọng sanh vọng diệt trong vòng luân-hồi, theo nghiệp quả mà cảm chịu thân này thân khác.

Cái bản-tánh đó trùm khắp cả pháp-giới, không có non ngã, bĩ thử, không có phiền-não mê-chấp, tư thê vẫn bình-đẳng chơn-như mà tác-dụng cũng bình-đẳng chơn-như dầu rá làm việc gì cũng vì mục-đích làm lợi ích cho chúng sanh mà thôi; cái tánh đó không có riêng tư, nên thường nhận cái lợi ích của chúng sanh là lợi ích của mình, cái tai hại của chúng sanh là tai hại của mình, và được trọn đủ vô-lượng vô-biên công đức. Cái bản-tánh viên mãn thường-trụ đủ cả vô-lượng vô-biên công-đức đó là tự-tánh thanh-tịnh-tăng của chúng ta; chúng ta phải nương theo tự-tánh ấy mà tu học, mà thiết hành thời mới chắc hết sự mê lầm, lên đường chánh-giác.

..

Nghĩa chữ Tăng rộng lớn vô cùng, nhưng cốt nhất là cái nghĩa hòa-hiệp.

Phật-giáo-đồ cần phải hòa-hiệp cùng nhau thì mới đởm đương trách-nhiệm trọng yếu hoằng-pháp lợi sanh được.

Về phần hòa-bài-hiệp-tụ thì trước hết trong sơn-môn cần phải gắng sức thiết hành cho viên-mãn để làm gương cho cả tín-đồ Phật-giáo.

Hiện nay trong xứ ta, nghĩa chữ tăng không đặng rõ ràng, nên lối tổ-chức tăng-chúng các chùa, thường có khuyết điểm : có chùa chỉ có một hai ông thầy, có chùa có nhiều thầy mà không giữ giới, hoặc giữ giới mà không ra mến nhau, không chỉ dạy cho nhau, không hòa thuận cùng nhau, không chia cân những sự lợi ích cho nhau; vì đó mà sự tu học trong sơn-môn có phần suy kém.

Ngày nay công việc chấn-hưng Phật-học đã phát-đạt, hàng cư-sĩ đã lắm người phát Bồ-Đề-tâm đứng gánh vác chánh-pháp, thì trong sơn-môn cần phải chỉnh-đốn lại tăng-chúng cho hiệp với nghĩa lục-hòa, người ít học thì gắng mà học, người có học thì gắng mà tu, để làm trung-tâm-điểm cho phong-trào chấn-hưng Phật-học ấy, đặng về sau khỏi cái hại theo lý bỏ sự và khỏi phụ cái trách nhiệm quý báu : «hoằng-pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp» của tăng-bảo đạo Phật.

Nam-mô Phật-pháp chơn-chánh Tăng-bảo bồ-tát ma-ha-tát.

Trúc-Lâm Thích-Mật-Nguyễn giảng.



HIỆN TRẠNG PHẬT-GIÁO-ĐỒ Ở XỨ TA

Muốn cho công việc chấn-hưng Phật-Học, chỉnh-đốn Tăng-gia mau có hiệu-quả thì cần phải xét đến hiện-trạng Phật-giáo-đồ xứ ta, mong cho toàn thể tín-đồ phản-chiếu lại cho biết mình ở hạng nàoặng gắng bước thêm ít bước trên con đường chơn-chánh.

Trong mục này tôi không dám tránh tiếng thị-phi, chỉ đem những sự mắt thấy tai nghe mà phô bày ra để cho ai nấy tự nghiệm chỗ chánh chỗ tà, chỗ bay chỗ đỡ, hầu mongặng chút lợi ích «bỏ đều trái làm đều phải» cho toàn thể tín-đồ Phật-giáo.

Phật-giáo truyền qua xứ ta đã hơn nghìn năm, trong khoảng thời gian ấy, phong triều Phật-học khi được tán-đương mà sùng-thạnh, khi bị đè nén mà suy-vi, nhứt là trong mấy mươi năm sau này thì Phật-học có chịu sa sút nhiều lắm, sa sút cho đến khi các nhà Đại-hộ-pháp trong ba kỳ bắt đầu thiết-hành chấn-hưng Phật-học. Song Phật-học suy vi cũng ở nơi Tăng-Đồ và Tín-Đồ, mà sùng-thạnh cũng ở nơi Tăng-đồ và Tín-đồ, vậy các nhà chấn-hưng Phật-học cần phải rõ hiện-trạng của Phật-giáo-đồ thì công việc hoằng pháp kia mới chắc được nhiều ảnh-hưởng.

Tăng - đồ

Tăng-đồ là những thầy thay mặt Phật để duy-tri chánh-pháp và làm mô-phạm cho chúng sanh; vì cái trọng-trách đó mà tăng-đồ là một vị trong Tam-bảo. Nhưng xét lại ở xứ ta, cái trách-nhiệm lớn lao đối với Phật-pháp, cái nghĩa-vụ nặng nề đối với chúng sanh kia, lắm người trong tăng-đồ đã xem thường xem khinh, đến nỗi trong toàn thể tăng-đồ có thể chia ra làm năm hạng như sau này:

1) *Hạng lợi dụng Phật-pháp.* — Trong kinh Lăng-Nghiêm Phật nói: «Ta dạy các bậc Tỷ-kheo. . . phải bỏ lòng

tham. . . . , xem mình như người lữ-khách, sống gởi trong tam-giới. hình như đi qua một lần là không trở tại nữa ; làm sao những kẻ dữ kia mượn y-phục nhà Phật, buôn bán Như-Lai, gây ra nghiệp dữ mà dám cho là Phật-pháp, lại dám chê các bậc tri-giới là tiêu-thừa, đến nỗi làm cho vô-lượng chúng sanh mê lầm nghi hoặc và về sau phải đọa vào Địa-ngục Vô-gián .

Phật đã chỉ dạy từ trước, thế mà hiện nay trong tăng-đồ có người giới-luật không tri, kinh điển không học, chỉ biết tán tụng qua loa rồi cũng đắp y-hậu nhà Phật, tự xưng là ông thầy với thiên-hạ. Thế rồi cũng kiếm hõn-dạo cho đồng, cũng lập chùa cho tốt, cũng tạo vườn cho rộng, ruộng cho nhiều rồi cũng phạm đủ các giới cấm quan-trọng.

Những ai đã cúng cho họ một số tiền nhiều ít đều được tặng những chức Bồ-Tát tái-thế, con Phật giáng-sanh. Họ lại còn lừa dối những chỗ giàu có, những nơi quyền qui để lập những giới-đàn, dựng xưng chức Yết-Ma Hòa-thượng, đề cây những thế-thân mà mua chức Tăng-cang, Trụ-Tri; thế rồi cũng làm mất Đại-sur, mất-sát những kẻ tu hành chơn-chánh. Hạng khổn nạn này họ siêng lắm, nhưng siêng năng để làm chi, nói càng thêm đau đớn.

Những ai đã làm lỡ vào hạng này xin hãy gắng mà cải-quá tự-tàn kéo về sau phải đọa vào Địa-ngục Vô-gián.

2) *Hạng thứ hai là hạng lỡ dở chẳng biết tu hành, lấy những lời cúng cấp làm nghề riêng của mình.* — Hạng này tuy không lợi-dụng Phật-pháp nhưng không biết tu học, chỉ nghĩ làm ông thầy có những điều hạn-chế phải giữ cho khỏi phạm mà thôi. Hạng này giữ được các giới quan-trọng, mỗi ngày thường tụng hai buổi công-phu, học biết các khoa lễ đi cúng, song họ chỉ học thuộc để tán tụng chứ không hiểu nghĩa lý. Vì họ không hiểu nghĩa lý nên họ cũng không rõ thế nào là Phật, thế nào là Bồ-Tát, thế nào là những hạng Thiên, Thánh, Tiên, Thần, và họ cũng chẳng biết phân biệt kinh của Phật và

kinh của ngoại đạo. Thế rồi họ cũng có học trò, có môn-đạo, truyền dạy cho nhau những lối cầu-vái cúng-cấp, kinh gì cũng tụng, tượng gì cũng lạy, làm cho mỗi ngày càng tăng trưởng thêm những lối dị-đoan mê-tin.

Hạng này nên y theo luật mà giữ giới vọng-ngữ, chỗ nào thiệt hiệu thì bày vẽ, chỗ nào đương còn lơ mờ thì phải học hỏi hoặc khiến người học hỏi các bậc thiện-tri-thức, không nên chỉ dạy sai lầm, mạng tội đại-vọng-ngữ, về sau ắt phải chịu những quả-báo khổ sở.

3) *Hạng ưa thanh-nhàn chỉ vui thú làm tuỳn mà quên mất trách nhiệm của tăng-đồ đạo Phật.*— Hạng này là hạng có ít nhiều học-thức song chưa rõ Phật-pháp là chi. Họ xét biết ba cõi cũng như không-hoa, nhơn-sanh cũng như mộng-huyền, nên họ đã trừ lẩn cái tâm xu-danh trục-lợi.

Lòng tham-dục của họ đã bớt thì sự siêng năng theo thế-gian cũng giảm lẩn ; song vì Phật-pháp chưa tường, nên chí tinh tấn theo đạo Bồ-Đề chưa phát khởi ; vì vậy, họ chỉ sống theo lối tiêu-cực, tự đặt mình rang ngoài xã-hội và vui riêng với non sông cây cỏ. Hạng này cả ngày chẳng làm việc gì, ngủ cho vừa giấc rồi dạo chơi phong cảnh, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên ; khi cao hứng thì cùng năm ba anh em ngâm ít câu kệ, đánh vài bản cờ cho qua ngày tháng. Đối với các bậc này tôi xin nhắc lại câu : « Nhứt nhứt bắc tác, nhứt nhứt bắc thực ». Các ông cũng ăn, cũng mặc, cũng ở, thì đối với người làm ruộng, người dệt vải, người làm nhà, các ông tất nhiên cũng phải làm việc gì để đáp công ơn của họ, lẽ đâu mê theo cái thanh-nhàn mà bỏ hết trách-nhiệm lợi-sanh hoằng-pháp. Dầu cho tự cây lấy mà ăn, tự may lấy mà mặc, tự làm nhà lấy mà ở ; nhưng trong bốn lời hoằng-thệ, các ông đã thiệt-hành được phần nào chưa ? Pháp-môn vô-lượng các ông đã học đủ chưa ? Phiền-não vô-tận các ông đã dứt sạch chưa ? Chúng sanh vô-biên các ông đã hóa-độ chưa ? Phật-đạo vô-thượng các ông tu đã đến nhơn-địa chưa ?

Các ông đã chưa đặt chút nào thì công việc còn nhiều, sao nỡ chôn mình trong cảnh-giới lưới-biếng.

Vậy tôi trông mong các ông trong hạng này gắng học thêm Phật-pháp để phát-khởi quảng-đại Bồ-Đề-tâm mà gánh vác trách-nhiệm lợi-sanh hoằng-pháp ; dầu không được vậy cũng phải gắng sức tham thuyên niệm Phật dặng dứt trừ phiền-não, chứng quả vô-sanh, chớ đừng mê theo ái-khinh-thanh-ma trong thọ ấu, về sau khó khỏi đọa-lạc.

4) *Hạng tu hành theo lối tự lợi.* — « Độ tận chúng sanh phương thành Phật-đạo » là chí nguyện của những người học Phật. Người tu hành bao giờ cũng phải nương theo lý « nhiếp tha vi tự » thì mới có thể gánh vác chánh pháp của Như-Lai.

Thế mà hiện nay lắm thầy tu hành tinh-tấn lại chỉ ôm một mục-dịch là mong cho mình được giải-thoát ; cái « cho mình » đó nó bịt mắt bưng tai, làm cho họ không còn biết đâu là con đường chơn-chánh.

Đối với hạng này là hạng chơn-thiệt tu hành, tôi đâu dám chỉ-trích, tôi chỉ thành-tâm khuyên họ thiệt-hành phá-trừ ngã-chấp và phát đại-thừa-tâm thì sự tu hành của họ về sau mới chắc có hiệu-quả.

5) *Hạng thiệt-hành theo chánh-pháp của Phật.* — Hạng này là những bậc đại-đức dày công tu học Phật-pháp, đã phát quảng-đại Bồ-Đề-tâm, đem cả thân tâm mà gánh vác công việc hoằng-đương chánh-pháp, hóa-độ quần-sanh; tri-giới cũng vì chúng sanh mà tri-giới, tu hành cũng vì chúng sanh mà tu hành, chỉ biết có chúng sanh mà không biết có mình, thiệt-hành Phật-sự cho đến hơi thở cuối cùng mà không thấy mình làm và cũng không thấy làm cho ai cả.

Cảnh-giới của các vị đại-đức kia, tôi chỉ dòm thấy mà sanh lòng hy-vọng. Cái công-trình vĩ-đại ấy, cái nguyện-lực cao thâm ấy chẳng biết đâu là cùng tận, miễn còn một chúng sanh chưa giác-ngộ là còn làm việc.

Hạng này mới là chơn-chánh Phật-tử, mới thiệt là Tăng-bảo đạo Phật.

Tín - Đồ

Tín-đồ là đệ-tử của tăng-dồ; nên tăng-dồ đối với tín-đồ rất nhiều ảnh-hưởng. Tăng-dồ mà chơn-chánh thì tín-đồ cũng chơn-chánh; tăng-dồ mà hư-hống thì tín-đồ tất nhiên cũng phải hư hống. Vậy tăng-dồ xư ta đã nhiều hạng, thì tín-đồ cũng khó giữ được hoàn toàn nên xét đến hiện-trạng của tín-đồ xư ta thì cũng có thể chia ra làm năm hạng như sau này:

1) *Hạng cầu phước*. — Trong kinh Nhơn-Quả có câu: « Muốn biết việc làm đời quá-khứ thì cứ xem quả-báo trong đời hiện-tại, muốn biết quả-báo trong đời vị-lai thì cứ xem việc làm trong đời hiện-tại ». Ai đã tin Nhơn-quả thì có một cái tinh-thần tự-tín đặc-biệt, họ chỉ lo cải-tạo tâm-tánh, lo làm những việc lành, lo tránh những điều dữ để cải-tạo cái nghiệp của mình, chứ không cầu lụy ông trời, ông thánh nào ban ơn xuống phước cho mình cả. Họ biết rằng làm Nhơn lành thì có quả lành, Nhơn dữ thì có quả dữ, Nhơn vô-thường thì có quả vô-thường, Nhơn thường-trụ thì có quả thường-trụ, Nhơn phiền-não thì có quả phiền-não, Nhơn giải-thoát thì có quả giải-thoát, nên họ chỉ sợ gây Nhơn không tốt, chứ không hề sợ quả chẳng lành.

Việc lành việc dữ ở đời này đều là kết-quả của tập-Nhơn đã gây ra từ trước; muốn tránh khỏi những quả-báo không tốt, cần nhất là phải tu tập cái Nhơn làm lành chứ không phải cúng vái khấn cầu mà được. Nhiều tín-đồ không biết như vậy, chỉ lo việc cúng lạy mà không thiết-thiết tu hành, nên đối với họ, Phật chỉ là một vị có oai lực để cho người cầu cạnh, ý-lại chứ không còn là bậc vô-thượng chánh-biến-giác ra đời dạy cho tất cả chúng sanh, đầu trời, đầu thánh, đầu thần, đầu người đều biết phương-pháp tu hành choặng giải-thoát.

Vẫn biết nguyên-lực của Phật vô-biên vô-lượng, nhưng tin Phật như vậy thì chỉ ràng buộc mình trong lối mê-tín, biết bao giờ choặng giải-thoát.

2) *Hạng cầu cảm-ứng.* — Trong kinh Kim-Cương Phật có dạy: « Phàm đả có tướng đều là giả dối », thế mà có nhiều tin-đồ trong khi tu trì không chịu tự dứt các món phiền-não, lại chỉ cầu cho thấy điềm lạ, thậm chí đến khi chiêm-bao thấy những cảnh-tượng quái kỳ mà cũng cho là chỗ sở-đắc. Vẫn biết trong khi tâm-niệm đả thuận-thục thì cảnh-giới tốt đẹp thường hiện ra, nhưng dầu có thấy chi đi nữa cũng phải biết là duy-tâm, là như-huyễn mới có thể tránh khỏi các sự sai lạc.

Lại có người chẳng hiểu Phật pháp là chi, tu càng tu quấy, hoặc chiêm-bao thấy ít chuyện kỳ-dị thì đã tự xưng là xuất thân đi học với các vị thiên-tiên ở cõi hạ-giới, trung-giới hay thượng-giới nào đó; rồi cũng truyền học trò, dạy môn-đạo, tu theo như mình mà không biết đó là ma-cảnh, rất đáng thương xót.

Thiên, thần, tiên, thánh không phải là không có, nhưng người tu hành cần phải phân biệt rõ ràng đường ta đường chánh, phép thế-gian và phép xuất thế-gian thì mới khỏi bị tà ma ngoại-đạo lừa gạt.

3) *Hạng theo sự bỏ lý.* — Hạng này cũng ăn chay, cũng niệm Phật, cũng tụng kinh để cầu về Tịnh-Độ cho khỏi các sự khổ ở giữa đời, nhưng ngoài mấy buổi công phu ra, họ đề Phật một bên và cứ đeo đuổi theo phiền-não vọng-tưởng. Họ cứ làm như vậy mãi, rồi họ than trách vì sao mà không thể « nhứt tâm bất loạn ». Đó là vì họ không biết đạo ý, họ không biết Phật là chi, không biết Tịnh-Độ là chi, nên dầu niệm Phật bao nhiêu cũng chỉ là vọng-niệm. Niệm Phật cốt nhất là tâm mình phải khế-hiệp với tâm Phật: Phật không phiền-não thì mình cũng không phiền-não, Phật không mê chấp thì mình cũng không mê chấp, Phật từ-bi-hỉ-xả thì mình cũng từ-bi-hỉ-xả; đem cái tâm như vậy mà niệm Phật rồi mới có thể « nhứt tâm bất loạn », chớ nếu Phật một nơi mà niệm một ngã, thì cũng như một người kéo đi một người tri lại, làm sao về Tịnh-Độ cho được.

Lại có một hạng người không biết tâm là chi mà cũng quán tâm, không biết tham-thuỳên thế nào mà cũng tham-thuỳên, đến khi lạc vào vô-ký, không biết cái gì hoặc vì sắc-ấm thấy một cục sáng sáng ở trước mặt hay ở trong mình thì đã tự xưng là ngộ đạo.

Đối với những hạng này, tôi xin nhắc lại rằng tu theo đạo Phật cốt ở chỗ vô-sở-đắc; nếu lấy tâm hữu-sở-đắc mà tu hành thì dầu đến định tứ-thuỳên hay định phi-phi-tưởng cũng còn phải đọa lạc thay, huống nữa là những vọng-cảnh kia trong dục-giới.

4) *Hạng theo lý bỏ sự.* — Hạng này phần nhiều là những người có học, cũng biết nghĩa năm bảy quyền kinh, đôi ba bộ luận, nhưng họ chỉ đem tâm-niệm mà nghiên-cứu đạo-lý chớ chưa hề dung-hiệp tâm-niệm với đạo-lý, nên dầu hùng-biện hay ho đi nữa cũng chẳng được lợi ích gì trên con đường tấn-hóa của tâm tánh. Đó là vì họ chỉ học kinh-diễn của Phật để phô-bày lý-thuyết cao-siêu ly kỳ, chớ chưa khi nào biết nhận đạo-lý nơi tự-tâm, nên đạo-lý một nơi, tự tâm một nơi, không dính dấp gì với nhau cả.

Quá hơn nữa, lắm người trong hạng này lại dám chê những thầy giữ giới là trước-tướng, những hạng tu hành tinh-tấn là tiểu thừa, phạm tội đại-vọng-ngũ về sau phải chịu quả báo khổ sở.

Đối với hạng này tôi xin nhắc lại rằng pháp-giới-tánh là ly-ngôn-thuyết-tướng, ly-danh-tự tướng, tam tạng kinh điển đều là phương-tiện để phá-từ mê-chấp. Người học kinh cần phải y như lý mà khỉ-niệm dặng thiệt-nghiệm đạo-lý trong kinh-diễn nơi tự-tâm để cho biết chỗ Phật muốn nói, rồi y theo đó mà tu tập, chớ nếu chỉ học chữ, học nghĩa lý suông thoi dầu học bao nhiêu cũng chỉ là người học chữ nghĩa.

5) *Hạng thiệt hành chánh-pháp.* — Hạng này thiệt rõ đạo-lý chơn-chánh của Phật, nên đã phát Bồ-Đề-tâm, chính nơi sự mà tham lý, y như lý mà hành sự, tùy theo cơ-duyên mà hộ-trì giới-luật, hoằng dương Phật-

pháp, gắng sức giúp đỡ những bậc tăng-già chơn-chánh về phương-diện hóa-độ quần-sanh, dầu khó nhọc bao nhiêu cũng không từ chối....

..

Hiện-trạng của Phật-giáo-đồ xứ ta có nhiều hạng như vậy, nên lắm nhà nhiệt-thành với Phật-pháp đã đứng lên hô hào sáng-lập các hội, xuất-bản nguyệt-san về đạo Phật để tuyên-dương chơn-tinh-thần của Phật-giáo; như ngày nay ở Nam-kỳ thì có Nghiên-cứu Phật-Học-Hội, Lương-Xuyên Phật-Học-Hội, Thiên-Thai Thiên-Giáo-Tông Liên-Hữu-Hội, v. v., ở Trung-kỳ thì có Phật-Học-Hội, ở Bắc-kỳ thì có Phật-giáo-hội, lại có các san-chí như Từ-Bi-Âm, Viên-Âm, Tiếng-Chuông-Sớm, Duy-Tâm tạp-chí, đồng một lòng tùy theo chỗ biết của mình mà giảng giải Phật-pháp.

Tương-lai của Phật-giáo-đồ xứ ta dầu tiến-bộ hay thoái-bộ trên con đường chơn-chánh là do nơi các Hội và các san-chí ấy cả. Cái trách-nhiệm nặng nề kia, cả tăng-đồ và tín-đồ nên đồng-tâm hiệp-lực đừng ra gánh vác, miễn đủ giới-hạnh, đủ tín-tâm là được, chớ chẳng nên câu nệ kẻ tăng người tục, hay vì chỗ tư mà bỏ chỗ công, đối với Phật-pháp mắc tội đã đành, lại lỡ một cơ-hội tốt đặng hóa-độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật-đạo.

N. X. Thanh



CHƠN - LÝ

Mấy lâu nay thấy trên mặt báo chí hay bàn về chơn-lý, nghị-luận phân vân đến nỗi khi đọc các bài ấy không thể biết các nhà tác-giả hiểu hai chữ chơn-lý về mặt nào và cũng không biết họ muốn chỉ đích xác cái gì là chơn-lý. Về sau, ông P. V. H. trong báo Tiếng-Dân có đăng một bài luận về chơn-lý, lời lẽ nghiêm chỉnh, tỏ ra là một vị có thiệt học về khoa luận-lý, chỉ có một điều đáng tiếc là đầu lớn đuôi nhỏ, nên không thể cùng ông bàn luận về vấn-đề ấy một cách xác đáng mà thôi.

Theo đạo Phật, nghĩa hai chữ chơn-lý là chơn-như lý-tánh, là cái lý-tánh chơn-thật « như như bình-dẳng » của sự sự vật vật.

Phương-tiện mà nói thì chơn-lý cũng có nghĩa là lý chơn-thật, có thì nói có, không thì nói không, không thêm không bớt. Nghĩa này cũng gần như nghĩa sự thật (vérité) của ông P. V. H. , vậy xin theo nghĩa này mà lập luận.

Cái chơn-lý, cái lý chơn-thật đó, người đạo Phật ai cũng cần nên biết rồi mới y như lý mà tu hành chứng quả, nếu không rõ sự thực, nhắm mắt làm càng, tu cũng chẳng biết tu thế nào, chứng cũng chẳng biết chứng thế nào, thì dầu cả ngày đánh chuông gõ mõ, lẩn hột tung kinh, rồi cuộc cũng chỉ thành ma ngoại mà thôi.

Xét trong thế-gian, người đi đường ai cũng gạn hỏi cho biết hành trình thế nào, đường xa hay gần, hoặc phải đi xe, đi tàu, hay đi bộ, đi thuyền và phí-tiền hết bao nhiêu rồi mới cất chân ra đi, nếu không biết trước, nhắm mắt đi liều, thì chắc không bao giờ đạt đến mục-đích, mà lắm khi lại phải rớt xuống vực sâu, sa vào hang cộp, khổ sở kể sao cho xiết.

Đường tu hành theo Phật-pháp cũng vậy, trước hết cần phải biết chỗ chơn-thật ; song đã biết rồi cũng phải có công thiệ-hành rồi mới tới nơi, chớ nếu chỉ nói suông, thì cũng chẳng bao giờ chứng quả chơn-thật.

Lối tu chứng theo Phật-pháp cốt nơi tham-học và hành-tri, mà hành-tri lại phải căn cứ theo giới luật. Riêng phần giới luật cũng là một phép tu rất mau có hiệu quả, trong đó cũng nhiều tướng vi-tế cần phải tham-cứu chín chắn rồi mới hiểu rõ được. Có hiểu rõ thời mới có thể thiệ-hành tri-giới.

Nhơn giới mà sanh định, hơn định mà phát huệ, trong ấy có nhiều tầng bậc, mà mỗi tầng bậc đều có hành-tướng khác nhau, nên cần phải tham-học nhiều năm mới hiểu rõ hết.

Ngày nay thường thấy trong các giới-đàn, giới-sư lắm ông chưa học tứ-phần-luật, giới-từ nhiều người chưa hiểu luật Sa-Di mà cũng cùng nhau truyền giới, thọ giới, miềng đốt đủ ba chỗ, được ba cái vết trên đầu thì đã tự nghĩ là ông thầy, là Bồ-Tát, là Tỉ-Kheo ; mà nhiều người chẳng tham-học cho biết giới-tướng của Tỉ-Kheo, Bồ-Tát là chi, thì bảo trì giới thế nào cho được. Thế rồi cũng nói khoác : nào tam thiên uy-nghi, nào bát vạn tế-hanh, nào đại-thừa, nào tiểu-thừa, thiệ ra chỉ ôm một cái lờ mờ mà hành-tri, rất cục cũng chỉ nổi chìm trong lục đạo, rất đáng thương xót. Ấy là vì họ không chịu tham-học cho biết đến chỗ chơn-thật, nên phải chịu quả vô-thường của cái hơn vô-thường đó thôi.

Chơn thì không vọng, thiệ thì không giả, vấn-đề ấy là một vấn-đề rất cần yếu, xưa nay các nhà tôn-giáo triết-học đã thường bàn đến. Bình tâm mà suy nghiệm, nếu quả thực là chơn-thật, thì cái hay phải nói nó là hay, cái dở phải nói nó là dở, cái lành phải nói nó là lành, cái dữ phải nói nó là dữ, lẽ đâu những đạo tự cho là hiền lành lại gây nên cái nạn « tôn-giáo chiến-tranh » những học-thuyết tự cho là hay ho lại phát sanh những tấn tuồng xấu xa độc ác.

Phỏng như theo sự thật thì lẽ đáng phải nói rằng đó là không hiền lành, không hay ho, đâu có mạo danh như vậy.

Đối với những người biết là không hiền lành, không hay ho mà cũng cứ theo thì chẳng nói làm chi, chớ đối với kẻ khác thì chúng tôi xin một nén tâm hương cầu nguyện họ phát tâm nghiên-cứu chỗ chơn thật theo Phật-pháp.

Phật-pháp tuy không phải ở nơi văn-tự, nhưng cũng không ly văn-tự, văn-tự là ngón tay chỉ mặt trăng, muốn thấy mặt trăng tất nhiên phải nương theo ngón tay chỉ. Theo luận Du-Già-Sư-Địa, lý chơn-thật là lối biết rõ các pháp y như tánh sở-hữu của nó (như sở-hữu tánh) và cùng tột tánh sở-hữu của nó (tận sở-hữu tánh).

1.) Như sở hữu tánh. 如所有性; — Các pháp vẫn nhiều, song nếu y như tánh chơn-thiệt của các pháp mà soi xét thời pháp nào cũng đều có tánh vô-thường, khổ, không, vô-ngã.

Chúng ta thử xét trong muôn sự muôn vật, cái gì có thể chỉ ra đều là vô-thường thay đổi, không một vật gì, không một cái gì là thường trụ. Thân-thể của các loài sanh-vật khi nhỏ, khi lớn, khi già, khi chết thay đổi đã đành mà các món khoáng-vật, xét kỹ ra cũng thăm thăm dời đổi theo chi-phối của hoàn-cảnh.

Chẳng những sắc-pháp mà tâm pháp cũng vậy, khi ghét khi ưa, khi vui khi khổ, khi nhỏ dại, khi lớn khôn, khi đủ non-duyên thì có, khi thiếu non-duyên thì không, vẫn không có gì là nhất định. Thế mới biết tất cả các pháp đều có tánh vô-thường, vì vô-thường nên thường gây ra các sự khổ; trẻ hóa già là khổ, mạnh hóa đau là khổ, sống hóa chết là khổ, vui hóa buồn là khổ, có hóa không là khổ; người đời ở trong pháp-giới vô-thường mà không biết giác-ngộ thời tất nhiên phải chịu các sự khổ.

Song xét ra các pháp đã là vô-thường, đây lát đã thay đổi thế này thế khác thì quyết định không phải thiệt là tồn-tại, vì rằng một cái xác thiệt tồn-tại thế nào cũng

phải có tánh nhất định mới được. Nếu thay đổi mãi mãi, năm này không phải như năm trước, ngày nay không phải như ngày qua, giờ này không phải như giờ khác, thì còn biết chi là chi được nữa. Mà đã không thể chỉ tánh nhất định của các pháp là chi, thì còn nương vào đâu mà cho rằng là thiệt tồn-tại, là thiệt có.

Các pháp đều không phải thiệt tồn-tại, đều không phải thiệt có nên pháp nào cũng đều là không cả.

Tánh của các pháp đã là không thì các pháp quyết định không có tự-thể, mà đã không có tự-thể thì pháp nào cũng có tánh vô-ngã.

2.) *Tận sở hữu tánh.* 盡所有性 - Vô-thường, khổ, không, vô-ngã là tánh chơn-thật của các pháp. Song các pháp « vô thường, khổ, không, vô-ngã » ấy nếu xét cho cùng tốt thì đối đãi với nhau, lại có tánh riêng của mỗi pháp, như lửa có tánh nóng, đá có tánh cứng vân vân.

..

Trong thế-gian, vì không biết các pháp y như tánh sở-hữu, chỉ biết những tánh giả dối trong vòng đối đãi, nên thường lầm cái giả dối kia là chơn-thật.

Ví như người trong chiêm-bao không biết mình đương chiêm-bao, lại hết lòng xem xét vì sao ngựa lại hóa ra cọp, nước lại hóa ra lửa, gắng công tìm xét đủ cách, song chỉ vì không biết là cảnh chiêm-bao, nên dầu tìm xét bao nhiêu cũng chỉ tìm xét trong chiêm-bao mà thôi. Trong thế-gian cũng vậy, thế-gian không biết các pháp là « vô-thường, khổ, không, vô-ngã », nên dầu gắng công soi xét đến đâu, rốt cuộc cũng chỉ ở trong vòng mộng huyền.

Vì vậy nên ai muốn rõ chơn-lý cần phải y theo lý chơn-thật soi xét các pháp để cho rõ biết các pháp đều thiệt có tánh « vô-thường, khổ, không, vô-ngã ». Xét rõ như vậy rồi y theo tánh chơn-thiệt đó mà hành-động thời mới có thể chắc được vài phần tự-chủ.

Hàng ngày tu tập quán xét như vậy mãi, đến khi từ tâm-pháp cho đến sắc-pháp đều thiết thiết nhận rõ tánh « vô-thường, khổ, không, vô-ngã », thì chứng được vô-sanh-tri 無生智.

Đem vô-sanh-tri ra mà thực-nghiệm, xét rõ cùng tột tánh riêng của các pháp mà liền đó cũng nhận rõ các pháp là « vô-thường, khổ, không, vô-ngã », đến khi tuyệt-đối tức là đối-đãi, đối-đãi tức là tuyệt-đối, không thấy thiết có tuyệt-đối, không thấy thiết có đối-đãi, chơn-thiết rõ biết các pháp đều là « vô-thường, khổ, không, vô-ngã », đều là như như bình-đẳng, không phải sai-biệt mà cũng không phải vô-sai-biệt thì mới chứng được vô-pháp-tri 無法智. Khi ấy mới biết sự thật là gì, khi ấy mới chứng được lý chơn-thật.

Chơn thì không vọng, thật thì không giả, nếu còn đeo cái vọng cái giả bên mình thì không bao giờ thấy được lý chơn-thật.

Cái gì là vọng, cái gì là giả, xin đọc-giả thường thường đề ý.

CHÂU-HẢI

(Xin xem lại bài giảng « Chỗ chơn-thật của Phật-học » trong quyển Viên-Âm số XI).



MỘT NHÀ CHO'N-CHÍNH HỌC PHẬT LÀ MỘT NHÀ ĐAI-LAO-ĐÔNG GIỮ'A XÃ-HỘI

Từ khi văn-hóa Âu-Tây du nhập nước mình, ai nấy đều xu-hướng theo phong-trào tân-học và đẹp bỏ cựu-học lại một bên. Vì vậy mà những người quá đời duy-tân, cho những người đứng ra chấn-hưng Phật-học là làm việc trái đời. Họ nói như thế là vì họ cho đạo Phật là một đạo chán đời, một đạo tiêu-cực, chỉ dẫn người vào cõi tịch diệt hư-vô, không lợi ích gì cho cái đời thực-tế cạnh-tranh này cả.

Cái quan-niệm sai lầm của nhiều người như thế, nên tôi phải viết bài này để cho ai nấy biết chọn-tinh-thần đạo Phật là thế nào và thực-hành theo chọn-tinh-thần ấy.

Kinh Pháp-hoa có nói : « Trong thế-gian, dầu việc ăn làm, khoa ngôn-ngữ, phép chánh-trị đều là Phật-pháp cả ». Như vậy thì đủ biết Phật-pháp không ngoài thế-gian mà chính ở trong thế-gian vậy.

Thế nào là ở trong thế-gian ? Nghĩa là ai nấy tùy địa-vị mình, tùy chức nghiệp mình, đều nương theo thể lượng rộng lớn của tâm-tánh mình mà hành động, tức là hiệp với Phật-pháp.

Trong kinh Kim-Cang, Phật có nói : « Độ tất cả chúng sanh, mà thiệt ra không độ một chúng sanh nào cả », là muốn cho người tu hành biết tâm-tánh mình tuy hiện ra đủ muôn pháp, nhưng pháp nào pháp nào cũng như huyền, cũng duy-tâm, thiệt không có ai độ và không độ ai cả. Vậy nên người hiểu rõ đạo Phật, tuy thường ngày làm đủ công việc, nhưng không khi nào tham-cầu chấp-trước, không khi nào trả oán cầu ơn, chỉ đem một cái tâm rộng không mà làm việc.

Như ở trong gia-đình, cha hết bổn-phận cha, con hết bổn-phận con, chồng hết bổn-phận chồng, vợ hết bổn-phận vợ; ai nấy đều lo tròn nghĩa-vụ để cùng nhau đắp nền hạnh-phúc chung trong gia-đình. Tuy làm tròn nghĩa-vụ nhưng không bao giờ lấy đó làm công, chỉ biết làm là làm, làm theo tánh từ-bi, làm theo đức bình-đẳng của tâm mình mà thôi.

Còn như ngoài xã-hội, người làm ruộng thì lo cày sâu, cuốc bẫm, biết coi gió xem trời để cho mùa màng được tươi tốt; tuy cả ngày chường bùn tay lấm, nhưng bao giờ cũng lo cho nông-nghiệp khoách-trương để mọi người đều được no ấm.

Người đi buôn thì bao giờ cũng thiệt thà ngay thẳng, hết lòng lo cho nền kinh-tế nước nhà thêm phần phát-đạt.

Người làm thợ thì lo cho cơ-khí được tinh-xảo để công-nghệ mỗi ngày được thêm tiến tới.

Người làm quan thì thanh-liêm ngay thẳng, hết lòng yêu nước thương dân, bao giờ cũng đem công-tâm ra mà làm việc.

Người tu hành thì lo tham-học kinh điển, tri trai giữ giới, để trau dồi đức-tánh mà làm gương cho kẻ khác.

Nói tóm lại tất cả mọi người đều phải cần-lao hướt động, phải tùy theo tài-năng, địa-vị mình mà làm việc lợi ích cho kẻ khác: Không tham, không sân, không si, ai nấy quyết nghịch với thói quen lăm lặc từ vô-thỉ để lại, và quyết nương theo thể từ-bi bình-đẳng của tâm-tánh mình mà hành-động, hành-động cho đến khi tất cả nghiệp-chướng đều tiêu trừ, thì tất nhiên thế-giới phải hòa-bình, nhơn-sinh phải an-lạc, hạnh-phúc của nhơn-loại sẽ phải thực-hiện trên quả cầu này, chớ nào phải tìm đâu xa nữa.

Nói đó là nói về toàn-thể, chớ về phần cá-nhơn, khi đã phát tâm và hành-động như thế thì đã sống riêng trong một cảnh giới thanh-tịnh, giữa khi tiếp xúc với mọi người, mọi vật ở cõi này vậy.

Những công việc ở đời như đã nói trên kia, không phải là thiên-hạ không làm, nhưng họ làm theo tâm-tánh chúng sanh, chớ chừa bao giờ làm theo tâm-tánh Phật. Người tu hành và người không tu hành khác nhau ở chỗ đó: Một bên thì đem vào cho mình, một bên thì đưa ra cho tất cả mọi người, cho tất cả chúng sanh trong pháp-giới; chớ nào phải đi tu là ở chùa hay ẩn trong núi, như một số đông người tưởng đâu!

Vậy thì biết những câu nói như câu: « Nếu ai nấy tu theo đạo Phật thì thiên-hạ sẽ chết đói » là câu nói của những người không hiểu đạo Phật và lối tu hành theo Phật-pháp.

Mong sao những người có cái quan-niệm sai lầm kia xem bài này mà tỉnh-ngộ, nhận cái tự-tâm rộng lớn và thiệt-hành theo cái tự-tâm rộng lớn đặng cùng nhau đồng cải-tạo thế-giới này thành thế-giới Cực-lạc.

N. X. THANH.



DUY TÂM PHẬT HỌC TẠP CHÍ

Tháng Octobre 1935, Lương-Xuyên Phật-Học-Hội đã xuất bản DUY-TÂM tạp-chí. Chúng tôi tiếp được số đầu xem thấy lời lẽ chơn chánh, rất hiệp với Phật-pháp, nên một lòng tùy-hĩ giới-thiệu cùng chư độc-giả.

Lương-Xuyên Phật-Học-Hội thành-lập dưới quyền ngài Đại-Đạo-Sư là Hòa-Thượng Thích-Từ-Phong, chùa Giác Hải ở Cholon ; ngài Hòa-Thượng An-Lạc chùa Vĩnh-Tràng ở Mytho làm Hội-Trưởng. Lại có nhiều vị Đại-Đức như ngài Khánh - Hòa, ngài Huệ - Quang, ngài Tâm - Quang, ngài Diệu - Pháp, ngài Khánh - Anh, ngài Pháp - Hải và các vị Đại-cư-sĩ đem lòng hộ-pháp lo việc Phật-Học, nên ngày nay Hội rất phát-đạt, đã lập Phật-học-trường và xuất-bản DUY-TÂM tạp-chí.

Trong số 1, DUY - TÂM tạp-chí đã nêu cái chỉ-hướng hoằng-pháp lợi sanh, nào phá trừ tà-chấp, hoằng-tuyên đại-thừa, cải-lương nhơn-tâm, quyết trang-nghiêm cõi Diêm-Phù-Đề trở thành Tịnh-Độ và thiết-hành cái bản nguyện « chúng sanh vị tận, ngã vị thành Phật ».

Về nội-dung, DUY-TÂM một mặt xiềng-dương đại-thừa Phật-giáo, chính nơi tự-tâm chúng sanh chỉ rõ cái đạo-lý chơn-thật để cho chúng sanh hiểu lý duy-tâm, tu hạnh duy-tâm đặng trừ những mê-chấp duy-tâm và chứng duy-tâm Phật-quả.

Trong buổi mat - pháp này, tà - kiến phân vân, lầm kể không giữ giới - luật, không hiểu không tin Phật-pháp mà cũng dám ra hoằng-pháp, lầm người mượn Phật làm bia để tuyên - truyền ngoại đạo, mà lại được thêm một tạp-

chí Phật-học chơn-chánh như tạp-chí DUY-TÂM ra đời
thiệt may mắn cho tín-độ Phật-giáo.

Chúng tôi trông mong toàn-thể Phật-giáo-đồ hết lòng
tán-thành cho cái cơ-quan hoằng-pháp kia để cho phong
tục nhơn-tâm của nước nhà được hấp-thụ cái ảnh-hưởng
đại-hùng, đại-lực, đại-từ-bi của đại- thừa Phật-giáo.

Nam-mô hộ-pháp Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

Viên-Âm



AI MUỐN THỈNH KINH

Tại chùa Kim Cương Nam Vang (xứ Cao
Mên) mới tạo bản và ấn hành bộ Kinh Tam
Bảo gồm đủ: DI ĐÀ, HỒNG DANH, VU LAN,
PHỒ MÔN, KIM CANG, bằng hai thứ chữ:
một bên chữ Hán và có chữ Quốc ngữ âm
một bên, rất tiện lợi cho sự đọc tụng.

Tiền thỉnh Kinh định giá như dưới này :
Kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan: 0.50 tiền còn

0.16

» Phồ Môn Tâm Kinh : 0.40 » 0.16

» Kim Cang : 0.60 » 0.16

Thỉnh nguyên bộ (3 quyển) giá : 1.50 » 0.25

Ai muốn thỉnh nhiều xin gửi thơ thương
nghị riêng.

Thơ và mandat xin gửi Mr Nguyễn Văn
Lắm, Secrétaire principal des postes et
Télégraphes à Phnom Penh. (Cambodge)

Ý-KIẾN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT HỌC

THỂ NÀO LÀ HỌC PHẬT

Bài trước tôi đã khuyên chị em thanh-niên đều nên để tâm nghiên-cứu Phật-pháp, vì Phật-pháp là một nền đạo lý sâu xa thâm-thúy ở cõi Á-Đông đã được dân-tộc xứ ta sùng-bái hơn mấy mươi đời rồi. Một nền đạo lý vững chắc đã nuôi sống muôn vạn cái tinh-thần cõi Á-Châu này, lẽ đâu chúng ta lại không tham-học ít nhiều để cho rõ cái nguyên do của những chùa, những tượng, những quyển kinh câu kệ mà hằng ngày chúng ta đã tai nghe mắt thấy.

Hiện nay dân-tộc Âu-Mỹ đã bắt đầu nghiên-cứu Phật-pháp, nếu chúng ta không gắng học cho hiểu một vài phần về đạo Phật thì chi cho khỏi thua kém và bị họ chê cười chúng ta là giống lười ười, nhắm mắt bắt chước làm càn, cho đến những cửa quý báu trong nhà mà cũng không biết đến.

Vậy chúng ta quyết định phải học Phật-pháp; chẳng những phải học cho biết các kinh các luận, mà lại phải học cho rõ chơn-tinh-thần của Phật-pháp là thế nào, rồi mới có thể hiểu rõ Phật-pháp hơn các nhà nghiên-cứu Âu-Mỹ, nghĩa là hiểu Phật-pháp đến chỗ rốt ráo.

Phật-pháp là chi?

Thế nào là học Phật?

Tôi xin nói qua cho chị em rõ đôi chút về hai câu hỏi ấy.

Chị em thường lên chùa, thấy tượng Phật, chắc lắm người nghĩ Phật cũng như các vị thần hộ-mạng để cầu khẩn trong khi ốm đau, mong ngài ban ơn cho đắc tài đắc lộc; còn Phật-pháp thì lại nghĩ là những lối dạy về Tam-qui, Ngũ-giới, bỏ thập-ác cho khỏi những quả báo khổ, tu thập thiện cho được hưởng phúc lâu dài, nghĩa

là chỉ dạy những lối nhơn-quã, vay trả trả vay để khuyên người làm việc lành, tránh việc dữ; hoặc rộng ra nữa là dạy thêm về lối ăn chay, niệm Phật mà thôi.

Nghĩ như vậy là lầm, chớ Phật-pháp còn nhiều lý-thuyết rất ráo, còn nhiều pháp-môn thâm-diệu cần phải học lâu năm mới hiểu thấu, chớ chẳng phải chỉ những sự tướng kia đâu.

Tôi vẫn biết những đạo-lý cao xa kia ngày xưa ít truyền bá trong phái phụ-nữ nên mới có những sự hiểu lầm như thế; nhưng hiện nay tri-thức phụ-nữ đã rộng, biết suy xét thấu đáo tinh tường thì tất nhiên phải tùy duyên truyền-bá giáo-lý đại-thừa của đạo Phật trong phái phụ-nữ.

Đối với hai câu hỏi :

Phật-pháp là gì?

Thế nào là học Phật?

tôi xin phương-tiện trả lời rằng: Phật-pháp là những phương pháp soi xét tâm-lý, còn học Phật là học cho biết tâm-lý của chúng ta vậy.

Đức Phật Thích-Ca, vì phát-nguyện cứu thoát chúng sanh ra khỏi bể khổ, nên mới bỏ ngôi vua đi tham-học các đạo trái mấy mươi năm. Ngài xét rõ các đạo tuy cũng có phần hay, nhưng không thể làm cho chúng sanh được hoàn toàn giải-thoát, nên ngài vào non Tuyết, quyết chí soi xét đạo-lý; đến khi thấu rõ được nguồn gốc các sự khổ của chúng sanh cho đến tất cả muôn pháp đều do tâm tạo ra, thì ngài mới thị hiện thành Phật chỉ dạy cho chúng sanh phải do nơi tâm mà tu hành đặng vượt ra khỏi các vòng khổ-não.

Những điều phiền-não mê lầm của chúng ta là do tâm tạo, giáo-lý của Phật để giải-thoát chúng ta khỏi điều phiền nảo mê lầm cũng là do tâm tạo, nên dầu Phật, dầu chúng sanh, dầu thân-thê, dầu hoàn-cảnh đều do tâm tạo ra cả.

Nói như vậy chắc trong chị em có người chưa tin và hỏi rằng: « Tâm-trí chúng ta gặp cảnh tốt đẹp thì vui, gặp cảnh tiêu điều thì buồn; khi nghèo hèn thì tâm-trí khuân-

bách, khi giàu sang thì tâm-trí sáng suốt, thế là hoàn-cảnh tạo thành tâm-trí, chứ đâu phải tâm-trí tạo ra hoàn-cảnh. Huống chi những người sanh trưởng trong chỗ hiền lành khôn khéo thì thường hiền lành khôn khéo, những người sanh trưởng trong chỗ độc-ác ngu-si thì hóa thành độc-ác ngu-si; người có học hành thì hay chữ, người có luyện tập thì lanh lẹ; ở trong đời dầu khôn, dầu dại, dầu giỏi dầu dở, xét ra phần nhiều là vì hoàn-cảnh tạo thành; ngoài chi-phối của hoàn-cảnh ra, thiệt không còn gì đáng gọi là tâm-trí người, thế thì viện lẽ gì mà bảo rằng tâm-trí tạo ra hoàn-cảnh? »

Lời lẽ trong câu hỏi ấy đối với cái tâm-trí đương còn bị hoàn-cảnh xây vắn thì không phải là không đúng, nhưng cái tâm đó chỉ là cái ảnh-hưởng của hoàn-cảnh chứ đâu phải thiệt là tâm-trí. Chúng ta mê không biết tự-tâm, chỉ nhận cái tánh hay biết hoàn-cảnh là tâm nên hằng ngày đeo đuổi theo hoàn-cảnh và phải làm nô-lệ cho những chi-phối của hoàn-cảnh. Đã làm nô-lệ thì không thể tự-chủ, cho nên cái tâm đó bị hoàn-cảnh ràng buộc, hoàn-cảnh dắt dẫu đi đó, không thể yên lặng và thường phải chịu lắm đau khổ sở.

Nhưng chính cái tâm ấy mà tâm vui cảnh cũng hóa vui, tâm buồn cảnh cũng hóa buồn, vui buồn ở nơi tự-tâm mà hoàn-cảnh cũng phải theo chi-phối của tự-tâm mà thay đổi.

Xét cho rõ ráo thêm nữa: như khi chị em ngó hoa mà tâm chưa phân biệt thì ngó là ngó, nào có cái gì đáng gọi là hoa và cái gì đáng ưa, đáng ghét. Đến khi đem tâm phân-biệt cho cái này là hoa tươi, cái này là hoa héo, hoa tươi là đáng ưa, hoa héo là đáng bỏ thời mới mê mang theo hoa, đeo đuổi theo hoa, hoa nở thì vui, hoa tàn thì buồn, mất hoa thì tiếc, được hoa thì mừng, chưa kể đến những tập quán riêng của mỗi người mỗi xứ (vì nếu chị em sanh trong một nước mà hoặc vì tôn-giáo, hoặc vì phong-tục, ai ai cũng ghét hoa, thì có lẽ chị em cũng ghét hoa như mọi người khác). Song cái hình dạng, cái tên hoa, cái tươi, cái héo, cái đẹp, cái xấu, cái ưa, cái ghét, cái vui, cái buồn là do cái tâm

phân biệt của chị em tạo thành, thì chị em dầu mê man, đeo đuổi theo hoa, nhưng kỳ thiệ cũng chỉ đeo đuổi theo cái tâm phân biệt của chị em mà thôi. Xét như vậy mới rõ câu: «Nhứt thể duy tâm tạo».

Chị em xem hoa, chị em cho nó là đẹp, rồi mê theo cái đẹp và làm nô-lệ cho cái mê là vì đâu? Chính là tại nơi cái tâm mê lầm phân-biệt của chị em nó đã làm cho nhiều đời nhiều kiếp phải trôi lăn trong biển khổ.

Cũng vì cái tâm phân biệt ấy mà chị em nhận riêng cái thân xác này là mình, mê theo cái thân xác này, khi trẻ thì vui, lúc già thì buồn, đẹp hơn người thì sung sướng, xấu hơn người thì lo rầu, tình thương ghét, chuyện hợp, thua cũng đều do cái tâm phân biệt ấy mà hóa thành ra cả.

Thế mới biết muôn sự muôn vật đều do tâm tạo thành, chỉ vì tâm không tự nhận lấy tâm, nên mới có các sự khổ não.

Phật-pháp chỉ có thể là chỉ dạy những phương-pháp soi xét lấy tâm mình; học Phật cũng chỉ có thể, nghĩa là chỉ học cho biết tâm mình mà thôi. Tâm có biết tâm là chi thì tâm mới tự-tại, dù gặp cảnh vui cảnh buồn cũng đều biết tự-chủ, không vì cái phân biệt mà trôi lăn theo hoàn cảnh.

Những phương-pháp để soi xét tự-tâm đã có sẵn trong các kinh-diễn đạo Phật, chúng ta cần phải tham-học những phương-pháp ấy để cho rõ biết đường đi nước bước rồi mới có thể thiệ hành soi xét tự-tâm cho đến khi thiệ biết tự-tâm thì mới chắc được tự-tại, được giải-thoát, được thanh-tịnh sáng suốt, chẳng những không bị hoàn cảnh sai khiến mà lại có thể thay đổi hoàn-cảnh, đổi những kẻ dữ ra người hiền lành, đổi những cảnh-giới khổ-sở ra cõi Tịnh Độ.

Học Phật như thế mới thiệ là học Phật: học Phật cốt để biết rõ tự-tâm, để sống một cái sống hoàn-toàn, làm việc cho đời, giúp ích cho đời, chính ở giữa trần-gian mà tự-tại giải-thoát, chính ở giữa phồn-hoa mà yên lành trong sạch, chứ nào phải tìm những cõi u nhân tịch diệt mà ẩn núp đâu!

Vậy chúng ta có nên học Phật không? xin chị em lượng nghĩ.

DIỆU-KHÔNG

ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM

Phật nương nơi Kiên-Tĩnh chỉ rõ Như-Lai-Tạng
(Chơn-Tâm)

(tiếp theo)

Tánh thấy tự-tại không mất vào hạn-lượng của không-gian

Ông A-Nan nghe Phật dạy, nhận cái tánh thấy trùm khắp pháp-giới, soi các vật-tượng là tánh của mình, nhưng phút chốc lại thấy nó tùy theo chỗ ở của mình, khi thấy rộng khi thấy hẹp không nhất định, nên bạch Phật rằng: Khi Phật cùng ông xem mặt trời mặt trăng, cái thấy của ông trùm khắp mọi nơi, đến khi vào trong lĩnh-xá thì cái thấy chỉ đầy một nhà, thế là cái thấy khi lớn khi nhỏ, đâu phải là viên-mãn thường trụ như lời Phật đã dạy.»

Phật bèn chỉ rõ cái thấy vốn không hạn lượng, chỉ vì cảnh-giới theo nghiệp có vòng có tròn, có lớn có nhỏ, nên cái thấy cũng tùy duyên mà phát hiện. Ví như cái hư không vốn không hình-tượng mà ở trong đồ vuông thì thấy hư không vuông, ở trong đồ tròn thì thấy hư không tròn, chớ nào phải hư không có tròn có vuông; tánh thấy cũng vậy, tánh thấy theo cảnh-giới mỗi nghiệp mà phát hiện, nhưng vẫn ra ngoài các hạn lượng.

Vô thì vô tử, chúng sanh mê vật là mình, tánh thấy nghe hay biết theo ngoại vật mà phát hiện nên in tưởng có rộng có hẹp, có lớn có nhỏ; nếu nhận được bản tánh tiêu tất cả sự sự vật vật về như-lai-tạng, thì tánh thấy tự tại phát khởi không theo ngoại vật, mà muôn sự muôn vật lại đều tùy theo kiến-tánh mà phát hiện cả.

Trong diệu-chơn-như tánh ấy không có lớn nhỏ, không có rộng hẹp, nên tự tại trong lớn hiện nhỏ, trong nhỏ hiện lớn, trong một vật hiện ra muôn vật, thấu muôn vật về nơi một vật, không còn chút gì ngăn ngại.

(còn nữa)
(VIÊN-ÂM)

經

首楞嚴經

(續)

妙我必精見此若尊(世尊)若此見精必我妙
 今我實今見難性今此妙性現在我前見必我眞有我實
 彼見今所難義既陀對壁雖在阿空?若
 見難是精祇前陳是大小現見是汝元
 悟前見祇前陳是大小現見是汝元
 未汝則汝日月礙毫其者何物見
 發在則汝日月礙毫其者何物見
 殊開見者與至舉日織必何見爲妙
 何慈言見與至舉日織必何見爲妙
 我大所實且堂座者草著指已何者淨
 垂汝所實且堂座者草著指已何者淨
 唯汝前指與師林乃不確見是出分
 今汝前指與師林乃不確見是出分
 難汝非渠於者如形以空既象諸
 阿實所林今陰空有應若見萬彼
 告若所林今陰空有應若見萬彼
 佛實方觀汝相?是可有應若見萬彼
 非實方觀汝相?是可有應若見萬彼
 有徧河種者但前當物披我
 徧河種者但前當物披我
 性身見見言佛來有徧河種者但前當物披我
 性身見見言佛來有徧河種者但前當物披我

阿難言：(我今於此重閣講堂，遠洎恒河，上觀日月，舉手所指，縱目所觀，指皆是物，無是見者。世尊如佛所說，况我萬物，漏初學聲聞，乃至菩薩，亦不能於萬物別有自性。佛言：(如是，如是。))

佛復告阿難：(如汝所言：無有見精離一切物別有自性，則汝所說：汝與如來坐祇陀林，更觀汝所見者。今復告汝：乃至日月，種種象殊，必無見者。非見。))

阿難言：(我實徧見此祇陀林，不知是中何者。非見。何以故：若樹如見，復云何空？若空，微細發明無非見者。))

(未完)

KINH DIỄN ÂM

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

A Nan bạch Phật ngôn: «Thê-tôn, nhược thử kiên tinh tất ngã diệu-tánh, kim thử diệu-tánh hiện tại ngã tiên, kiên tất ngã chơn, ngã kim thân tâm phục thị hà vật? Nhi kim thân tâm phân biệt hữu thiệt, bì kiên vô biệt phân biện tắng thân, nhược thiệt ngã tâm linh ngã kim kiên, kiên tánh thiệt ngã nhi thân phi ngã, hà thử Như-lai tiên sở nạn ngôn: vật năng kiên ngã! duy thùy đại từ khai phát vị ngộ».

Phật cáo A-Nan: «Kim như sở ngôn: kiên tại như tiên; thị nghĩa phi thiệt. Nhược thiệt như tiên, như thiệt kiên giả, tác thử kiên tinh ký hữu phương sở, phi vô chỉ thị; thả kim dự như tọa Kỳ-đa-lâm, biên quan lâm cử cập dự điện đường, thượng chí nhật nguyệt, tiến đôi Hằng-hà, như kim ư ngã sư-tử-tọa tiên, cử thủ chỉ trần thị chủng chủng tướng: âm giả thị lâm, minh giả thị nhật, ngại giả thị bích, thông giả thị không, như thị nãi chỉ thảo thụ tiêm hào, đại tiểu tuy thủ, đản khả hữu hình vô bất chỉ-trước; nhược tất kỳ kiên hiện tại như tiên, như ứng dị thủ xác thiệt chỉ trần, hà giả thị kiên. A-Nan đương tri: nhược không thị kiên, ký dĩ thành kiên, hà giả thị không? nhược vật thị kiên, ký dĩ thị kiên, hà giả vị vật? Như

khả vi tê phi bác vạn tượng, tích xuất tinh-minh-tinh-diệu-kiên-nguyên, chỉ trản thị ngã, đóng bì chư vật, phân minh vô hoặc».

A-Nan ngôn: «Ngã kim ử thử trùng các giảng đường, viên kỳ hằng-hà, thượng quan nhật nguyệt, cử thủ sở chỉ, tủng nhật sở quan, chỉ, giải thị vật vô thị kiên giả. Thê-Tôn, như Phật sở thuyết, hưởng ngã hữu lậu sơ-học Thanh-vân, nãi chí Bồ-tát diệt bất năng ư vạn vật tượng tiền, phẩu xuất tinh-kiên ly nhật thế vật biệt hữu tự tánh». Phật ngôn: »N hư thị, như thị».

Phật phục cáo A-Nan: «N hư như sở ngôn: vô hữu kiến-tinh ly nhật thế vật biệt hữu tự tánh, tác như sở chỉ thị vật chỉ trung, vô thị kiên giả. Kim phục cáo như: Như dữ Như-Lai, tọa Kỳ-đà-lâm, cánh quan lâm uyển nãi chí nhật nguyệt, chủng chủng tượng thù, tất vô kiến-tinh thụ như sở chỉ; như hữu phát minh thử chư vật trung, hà giả phi kiến».

A-Nan ngôn: «ngã thiết biên kiến thứ Kỳ-đà-lâm, bất tri thị trung, hà giả phi kiên. Hà dĩ cò: Nhược thụ phi kiến, vân hà kiến thụ? nhược thụ tức kiến, phục vân hà thụ? như thị nãi chí nhược không phi kiến, vân hà kiên không? nhược không tức kiến, phục vân hà không? ngã hữu tư duy, thị vạn tượng trung, vi tê phát minh, vô phi kiên giả». Phật ngôn: «n hư-thị, như thị».

(Vĩ hoàn)

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Ong A-Nan thưa Phật rằng: Bạch Thế-Tôn, nếu như cái kiến-tinh ấy chắc là diêu-tánh của tôi, nay diêu-tánh ấy hiện ở trước mặt tôi; cái kiến-tinh ấy đã là chơn-tánh của tôi, thế thời thân-tâm của tôi đây lại là vật gì? Mà nay cái thân-tâm ấy thiệt có phân biệt, còn cái kiến-tinh kia thì không phân biệt được thân-tôi. Nếu thiệt tâm-tôi làm cho tôi thấy và tánh thấy thiệt là tôi còn thân này chẳng phải là tôi thì nào khác gì lúc trước đây tôi đã bị Như-Lai nạn tôi rằng: « vật hay thấy tôi »! Xin Phật đem lòng đại-từ, mở bày cho kẻ chưa ngộ. »

Phật bảo ông A-Nan: « Nay ông nói rằng: « cái kiến-tinh ở trước mặt ông », nghĩa ấy chắc không đúng. Nếu thiệt ông thấy cái kiến-tinh ở trước mặt ông thời cái kiến-tinh ấy đã thành có phương sở rồi chớ chẳng phải là không thể chỉ bày ra được. Và nay tôi cùng ông ngồi trong rừng Kỳ-Đà này, khắp coi vườn rừng và những điện đường, trên đến vầng nhật nguyệt, trước đối với sông Hằng; ông nay ở trước sư tử-tọa (1) của tôi, thử dơ tay chỉ bày những các vật-tượng kia, nào bóng im là rừng, sáng suốt là mặt nhật, ngăn ngại là vách tường, thông suốt là hư-không, như vậy cho đến cỏ cây vụn vặt, tuy rằng lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có hình-tượng, thời đều có thể chỉ bày được cả. Vậy nếu cái kiến-tinh kia hiện

1. — Sư tử tọa. — Pháp-tọa của Phật; Phật ngồi chỗ nào thuyết Pháp thì chỗ ấy là sư-tử tọa; vì Phật tự-tại vô-úy, hàng phục được tất cả các ngoại Đạo nên lấy sư-tử làm ví dụ.

ở trước mặt ông, thời ông nên đưa tay chắc chắn chỉ rõ cái gì là kiến-tinh? Ông A-Nan này! ông phải biết: nếu như hư không là kiến-tinh, thì hư không đã thành kiến-tinh, còn cái gì mới thiệt là hư-không; nếu vật gì là kiến-tinh thì vật ấy đã thành kiến-tinh còn cái gì mới thiệt là vật!

Ông phải chín chắn phân tĩa trong các hình-tượng, riêng đem cái « tinh-minh-tịnh-diệu-kiến-nguyên » (2) kia ra, chỉ bày cho tôi như các vật-tượng, rõ ràng không sai lầm!».

Ông A-Nan thưa rằng: « Tôi nay ở trong Trùng-các giảng đường này, xa coi sông Hằng-Hà, trên thấy vầng nhật nguyệt, dơ tay chỉ bày, đưa mắt ra xem, thời những cái mà có thể chỉ được đều là vật chớ không có cái gì là cái thấy cả. Thưa Thế-Tôn: như lời Phật dạy đó, chẳng những tôi là hàng hữu-lậu sơ-học thanh-văn, dầu cho các vị Bồ-Tát cũng không thể ở nơi các vật-tượng, riêng chỉ ra một cái thấy, xa tất cả các vật mà riêng có tự-tánh. »

Phật dạy rằng: « Thật vậy, thật vậy ».

Phật lại bảo ông A Nan: « Như lời ông nói rằng không có cái thấy, xa tất cả vật mà riêng có tự-tánh, thời trong những cái mà ông đã chỉ là vật đó, không có cái gì là cái thấy cả. Nay tôi lại bảo ông: ông cùng Như-Lai ngồi nơi rừng Kỳ-Đà này, ông hãy xem lại nơi rừng vườn, cho đến trên vầng nhật nguyệt, tuy là hình-tượng khác nhau, nhưng trong ấy ông đã quyết chắc không có

2. — Tinh-minh tịnh diệu kiến-nguyên. — là cái tánh thấy trong suốt tỏ rõ thanh - tịnh nhiệm - màu, chưa nhận sự phân biệt trần - cảnh làm tự - tánh.

cái thấy có thể chỉ bày ra được. Vậy ông lại phát-minh trong các vật ấy những cái gì là « phi » (3); cái thấy. »

Ông A-Nan thưa : « Thiệt tôi khắp coi trong rừng Kỳ-Đà này, chẳng biết trong ấy có cái gì là phi cái thấy ; vì sao ? nếu như cây là phi cái thấy thì sao lại thấy cây mà nếu như cây tức là cái thấy, thì làm sao lại kêu là cây ? Cho đến nếu hư-không là phi cái thấy, thì sao lại thấy hư-không ? mà nếu như hư-không tức là cái thấy, thì làm sao lại gọi là hư-không ? Tôi lại suy xét, phát-minh chín chắn, thiệt trong các vật-tượng kia không có cái chi là phi cái thấy cả. »

Phật dạy : « Thật vậy, thật vậy ».

(Còn nữa)
VIÊN-ÂM



3. — Phi. — Thông thường hay dịch chữ Phi là không phải ; nhưng tiếng không phải ở xứ ta còn dụ dự, chớ không được quyết định như chữ Phi trong các kinh.

Chữ Phi đây nghĩa là trái bản ; đánh đổ một cách rồn ráo, dứt trừ tuột nguồn tuột gốc cho đến không còn mây may gì thì mới gọi là Phi. Vậy nên chúng tôi đề nguyên chữ Phi cho khỏi lầm lạc.



LUẬN - HỌC

TÂM - VƯƠNG VÀ TÂM - SỞ

(tiếp theo)

III - THIỆN-TÂM-SỞ 善心所

Thiện-tâm-sở đối với tâm-vương cũng như các bực hiền thần, có thể đem về đường lành và giúp cho đạo quả Bồ-Đề được viên-mãn. Thiện-tâm-sở có XI món đều có thể làm cho người khác và mình được an lành lợi ích về tương-lai hay về hiện-tại.

1.) *Tin* 信. — Tin nghĩa là tin; đối với chỗ có thiệt-thể, thiệt đức, thiệt dụng, thành-tâm thừa nhận là tín, có thể trừ lòng bất-tín và làm cho tín-tâm thêm bền vững.

2.) *Tàm* 慚. — Tàm nghĩa là hổ; ở nơi những việc lỗi lầm hung ác đã làm, tự xét mà hổ mình, có thể phá trừ được lòng không biết hổ và tăng trưởng được lòng biết hổ.

3.) *Quý* 愧. — Quý là thẹn; nơi việc lỗi lầm hung dữ đã làm, đối với đời sanh lòng thẹn thường là quý, có thể dứt trừ lòng không biết thẹn và tăng trưởng lòng biết thẹn.

4.) *Vô-tham* 無貪. — Vô-tham là không tham; ở nơi các pháp, xa lìa không chấp, không ưa, không thích, không tích-trữ, không dính dấp là vô-tham, có thể dứt trừ lòng tham và tăng trưởng lòng không tham.

5.) *Vô-sân* 無瞋. — Vô-sân nghĩa là không ghét; đối với loài hữu tình, không sanh lòng bất bình và thường thương xót là vô-sân, có thể đoạn được lòng sân và tăng trưởng lòng vô-sân.

6.) *Vô-si 無 疑*. - Vô-si là không si-mê; rõ được chỗ chơn-thật là vô-si, có thể đoạn được lòng si và tăng trưởng lòng vô-si.

7.) *Tinh-tấn 精 進*. - Tinh-tấn là lòng mạnh mẽ không thoái-đọa, không chịu đặt mình vào nơi yếu lược bèn mặt, có thể dứt trừ lòng giải-đãi và làm cho thêm lòng mạnh mẽ siêng-năng, quyết làm việc hay, không chịu rời bỏ.

8.) *Khinh-an 輕 安*. - Xa lìa cái thân-tâm thô-trọng, được yên ổn nhẹ nhàng khoan khoái là khinh-an, có thể đoạn được các chương thô-trọng và tăng trưởng lòng tinh-tấn.

9.) *Bất-phóng-dật 不 放 逸*. - Nương theo các tâm-sở: vô-tham, vô-sân, vô-si, tinh-tấn, thường tu những thiện-pháp để dứt trừ các pháp bất-thiện, không chịu buông lung là bất-phóng-dật, hay dứt trừ lòng phóng-dật và tăng trưởng lòng bất-phóng-dật, làm cho được nhiều lợi ích trong đường tu tập.

10.) *Hạnh-xả 行 捨*. - Nương theo các tâm-sở: vô-tham, vô-sân, vô-si, tinh-tấn, thường thường phóng-xả là hạnh-xả, có thể trừ được lòng trạo-cử và tăng trưởng lòng hạnh-xả, làm cho tâm được chính-trực bình-đẳng, không thể lay động.

11.) *Bất-hại 不 害*. - Bất-hại là không chọc tức, không làm hại các loài hữu-tinh và thường thương xót, có thể dứt trừ được lòng hại và tăng trưởng lòng bất-hại.

IV. - CĂN BẢN PHIÊN-NÃO TÂM SỞ 根本煩惱心所

Phiên-nảo tâm-sở là những tâm-sở làm cho thân-tâm nóng nảy, lay động, rối loạn, bức tức, đối với tâm-vương cũng như tối loạn con giặc, khiến cho tâm-vương phải chịu lắm điều khổ sở.

Trái với thiện-tâm-sở, phiên-nảo tâm-sở hay đem về đường dữ, làm hại cho mình và cho người khác và ngăn ngại đường tu tập theo đạo Bồ-Đề.

Căn-bổn phiền-não là những phiền-não cội gốc có thể gây ra các món phiền-não khác. Căn-bổn phiền-não gồm có sáu tâm-sở là :

1*) *Tham* 貪. — Chính nơi ngũ-uẩn bị mê-chấp, có lòng ưa mến, che chở, giữ gìn, hoặc mới sanh ra đã có (cu-sanh-tham) hoặc vì phân biệt mà có (phân-biệt-tham) thì đều gọi là tham, có thể ngăn ngại lòng vô tham và tăng-trưởng lòng tham.

2*) *Sân* 嗔. — Đối với các loài hữu-tinh sanh lòng bất-bình, sanh lòng ghét-bỏ, muốn làm cho tổn hại thì gọi là sân, hoặc cu-sanh, hoặc phân-biệt, đều có thể ngăn ngại lòng vô-sân và tăng trưởng lòng sân.

3*) *Si* 癡. — Si, hay vô-minh, là không rõ chỗ chơn-thật, có thể ngăn ngại chánh-tri, cũng có cu-sanh-si và phân-biệt-si hai món.

4*) *Mạng* 慢. — So sánh với người, chấp mình là hơn là bằng hay thua mà nâng cao mình lên thì gọi là mạng; có thể mà ngăn ngại cho lòng tinh-tấn và tăng-trưởng ngã-mạng, cũng có cu-sanh-mạng và phân-biệt-mạng.

5*) *Nghi* 疑. — Nơi các sự thật mà dự dự không tin chắc chắn thì gọi là nghi. Lòng nghi chỉ vì phân biệt mà sanh, có thể làm chướng ngại cho lòng chánh tín.

6*) *Kiến* 見. — Kiến có năm món là :

a) *Tác-ca-da-kiến* 薩迦耶見. — Chính nơi ngũ-uẩn hư-vọng, chấp là ta hay là sở-hữu của ta thì gọi là tác-ca-da-kiến (tức là thân kiến là ngã-kiến). Ngã-kiến cũng có cu-sanh và phân-biệt hai món, có thể làm ngăn ngại cho lòng vô-si, cho tri vô-ngã và tăng-trưởng ngã-chấp.

b) *Biên-chấp-kiến* 邊執見. — Chính nơi ngũ-uẩn hư-vọng, hoặc chấp đoạn, hoặc chấp thường, thì gọi là biên-chấp-kiến, cũng có cu-sanh và phân-biệt hai món. Những lối chấp hữu, chấp vô, chấp nhứt, chấp dị, vân vân đều thuộc về biên-kiến cả.

c) *Tá-kiến* 邪見. — Do sự phân biệt sai lầm, bài bác nhơn-quả, phá hoại đường tu, chê bai sự thật thì gọi là tá-kiến.

d) *Kiến-thủ 見取*. — Ở nơi ngã-kiến, biên-kiến, tà-kiến và ngũ-uẩn hư-vọng, do sự phân-biệt quyết chấp là đúng, dầu trái với chánh lý, thì gọi là kiến-thủ.

e) *Giới-cấm-thủ 戒禁取*. — Chính nơi các kiến-chấp kia và nơi ngũ-uẩn hư-vọng, theo sự phân biệt lỗi lầm mà tu hành, chấp là đúng là phải, dù trái với chánh lý thì gọi là giới-cấm-thủ.

V. — TÙY-PHIÊN-NÃO TÂM-SỞ 隨煩惱心所

Tùy-phiền-não có 20 tâm-sở, chia ra làm ba phần :

1.) *Đại-tùy phiến-não 大隨煩惱*. — Đại-tùy phiến-não có tám món là :

a) *Hôn-trầm 昏沉*. — Chính nơi thân tâm thô-trọng, cam tâm chịu vậy, cho là bản tánh của mình, không muốn tấn hóa, thì gọi là hôn-trầm, có thể làm ngăn ngại cho quán-trí.

b) *Trào-cử 掉舉*. — Tìm cầu một cách không chánh đáng, nhờ nghĩ những việc đờn ca xướng hát vân vân, tâm không định tĩnh thì gọi là trào-cử, có lẽ làm ngăn ngại cho khinh-an tâm-sở.

c) *Bất-tín 不信*. — Đối với chỗ có thiệt-thế, thiệt-đức, thiệt-dụng, tâm không thừa nhận, dầu đúng với chánh-lý, thì gọi là bất-tín, có thể làm ngăn ngại cho tín-tâm.

d) *Giải-đãi 懈怠*. — Ưa ngủ, ưa nằm, dựa ngã, dựa nghiêng, tự đặc mình chỗ thấp hèn, không gắng sức tấn-hóa thì gọi là giải-đãi, có thể làm chướng ngại cho lòng tinh-tấn.

e) *Phóng-dật 放逸*. — Thả lung tâm mình vào lối tham, sân, si, giải-đãi, không tu những thiện-pháp để đối-trị những bất-thiện-pháp thì gọi là phóng-dật, có thể làm chướng ngại cho tâm-sở bất-phóng-dật.

f) *Thất-niệm 失念*. — Đối với những pháp, những nghĩa đã nói, đã làm, đã nghĩ lâu ngày, bỗng chốc vì

r nhiệm-ô không nhớ đến, thì gọi là thất-niệm, có thể làm ngẩn ngại cho chánh-niệm.

G) *Tán-loạn*. 散亂 - Nơi thiền-pháp đương tu hành, hông chịu chuyên-tâm, lại dong ruổi theo các ngoại-duyên thì gọi là tán-loạn, có thể làm ngẩn ngại cho định-tâm-sở.

H) *Bất-chánh-tri*. 不正知 - Không thiết rõ thế nào là tà, thế nào là chánh, thế nào là mê, thế nào là ngộ thì gọi là bất-chánh-tri, có thể làm ngẩn ngại cho chánh-tri-kiến.

2.) *Trung-tùy phiền-não*. 中隨煩惱 - Trung-tùy phiền não có hai tâm-sở.

A) *Vô-tâm*. 無慚 - Nơi những sự làm lỗi, hung ác đã làm, đối với tự-tâm, không biết hổ han thì gọi là vô-tâm, có thể làm ngẩn ngại cho tâm-tâm-sở.

B) *Vô-quí*. 魚愧 - Đối với những sự làm lỗi hung dữ đã làm, so với đời, không biết thẹn thường là vô-quí, có thể làm ngẩn ngại cho quí-tâm-sở.

3.) *Tiểu-tùy phiền-não*. 小隨煩惱 - Tiểu-tùy phiền não có 10 tâm-sở là :

A) *Phẫn*. 忿 - Đối với những sự trái ý về hiện-tại, rong tâm nổi nóng thì gọi là phẫn.

B) *Hận*. 恨 - Đối với những sự trái ý về quá-khứ, âm hận không thôi thì gọi là hận.

C) *Phú*. 覆 - Nơi việc lỗi làm hung dữ, hoặc người thuyết can hay không ai khuyên can, gắng che đậy cho người đừng biết thì gọi là phú.

D) *Não*. 惱 - Tự mình làm việc lỗi làm hung ác, có người khuyên can, lại tức mình nói lời thô bỉ thì gọi là não.

E) *Tật*. 嫉 - Thấy người ta có công đức, có danh dự, tài sản, sanh lòng ghen tương thì gọi là tật.

F) *Xang*. 慳 - Tóm góp những cái sở-hữu, giữ riêng phần mình, rít rắm không trao cho ai thì gọi là xang.

G) *Cưỡng*. 誑 - Làm những việc không thiết, để hình phạt cho người ta làm lỗi thì gọi là cưỡng.

H) *Siêm*. 諛 - Giả cách cung kính hòa thuận để đưa nịnh, dối gạt người ta thì gọi là siêm.

I) *Kiêu* 憍. Được những việc giàu sang hưng thịnh, sanh tâm ý-thị, nung cao mình lên, không biết dè dặt thì gọi là kiêu.

J) *Hại*. 害 - Vì tức giận mà làm tổn hại các giống hữu tình, không biết thương xót thì gọi là hại.

VI. - Bất định tâm sở 不定心所

Bất-định-tâm-sở là những tâm-sở không quyết định là thiện hay ác, gồm có bốn món là :

1) *Ố-tác*. 惡作 - Đối với những việc hoặc lành hay không lành mình đã làm hay không làm, hoặc nhiệm, trước hay không nhiệm-trước, trong tâm e lệ ău năng muốn thay đổi lại, thì gọi là ố-tác, có thể làm ngăn ngại cho định-tâm-sở.

2) *Thụy-miên*. 睡眠 - là ngủหลับ, lấy chỗ tâm mê muội không tự-tại làm thể, có thể làm ngăn ngại cho quán-trí.

3) *Tầm*. - 尋 Tầm nghĩa là tìm, hoặc vì nghĩ ngợi làm việc gì hay soi rõ về việc gì, đem cái thô-tâm suy tìm nơi ngoại-cảnh, thì gọi là tầm, có thể làm cho tâm không yên lặng.

4) *Từ*. 伺 - Không kể ngoại-cảnh, chín xét các tướng khi-diệt nơi tâm-niệm mình thì gọi là từ; từ-tâm-sở tuy chỉ khiến tâm nhỏ nhiệm xét soi về nội cảnh, nhưng cũng có thể làm cho tự-tâm không được thanh-tịnh.

Bất-định-tâm-sở như các bực dung thần gặp người phải thì theo phải, gặp người quấy thì theo quấy, không có tánh nhất-định như thiện-tâm-sở và phiền-não tâm-sở.

Nói tóm lại, tâm-sở có sáu vị, cộng là 51 món :

TÂM - SỞ

**I Biến-hành
tâm - sở**

- 1. Xúc •
- 2. Tác-ý
- 3. Thọ
- 4. Tưởng
- 5. Tư

**II Biệt-cảnh
tâm - sở**

- 1. Dục
- 2. Thắng-giải
- 3. Niệm
- 4. Định
- 5. Huệ

**III Thiện-
tâm - sở**

- 1. Tin
- 2. Tàm
- 3. Quý
- 4. Vô-tham
- 5. Vô-sân
- 6. Vô-si
- 7. Tinh-tấn
- 8. Khinh-an
- 9. Bất-phóng-dật
- 10. Hạnh-xả
- 11. Bất-hại

**IV Căn-bản
phiền-não
tâm - sở**

- 1. Tham
- 2. Sân
- 3. Si
- 4. Mạn
- 5. Nghi
- 6. Kiến

- a. Tác-ca-da-kiến
- b. Biên-chấp-kiến
- c. Tà-kiến
- d. Kiến-thủ
- e. Giới-cấm-thủ

TÂM - SỞ

V Tùy- phiền-não tâm-sở	1• Đại-tùy phiền-não	a. Hôn-trầm b. Trào-cử c. Bất-tin d. Giải-dải e. Phóng-dật l. Thất-niệm g. Tán-loạn h. Bất-chánh-trí
	2• Trung-tùy phiền-não	a. Vô-tâm b. Vô-quí
	3• Tiểu-tùy phiền-não	a. Phần b. Hận c. Phú d. Nảo e. Tật f. Xang g. Cường h. Siểm i. Kiêu j. Hại
VI Bất-định tâm-sở	1. Ổ-tác 2. Thụy-miên 3. Tầm 4. Tử	

Khi một tâm-sở nào đồng với tâm-vương duyên một cảnh trong mộng thời nương về một chỗ và đồng một thể tánh thì gọi là tương-ung.

Tám món tâm-vương vì hành-động có khác nên các tâm-sở có thể tương-ung với tâm món kia hoặc nhiều hoặc ít cũng khác, lại tùy theo địa-vị trên đường chánh-giác cũng có khác nữa; đến địa-vị Phật thời duy có biến-hành, biệt-cảnh và thiện-tâm-sở có thể tương-ung mà thôi.



SỰ TÍCH

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH-CA

(ÇAKYA - MOUNI)

tiếp theo và hết

XXVIII. — Phật hóa độ trong các nước khác

Về sau nhiều nước lập Tinh-xá rước Phật đến thuyết-pháp, lại có các vị đại-đệ-tử đi truyền pháp mọi nơi, nên Phật-giáo-đồ mỗi ngày càng nhiều, cho đến những kẻ hung dữ như ông Ương-Khuất-Ma-La cũng qui-y theo Phật.

Có ông Đề-Bà-Đạt-Đa bà con với Phật và thường ganh ghét Phật. Phật dạy ông tu hành tại-gia, nhưng ông không chịu, lại xin xuất gia nơi khác; ông học với ông A-Nan Đà được ít phép thần-thông, đã sanh lòng kiêu-mạng, mưu hãm hại Phật mà kế vị. Ông bèn dụ Thái-Tử A-Xà-Thế, con vua Tần-Bà-Xa-La, giam cầm cha mẹ mà đoạt ngôi vua. Bà mẹ của ông A-Xà-Thế, tên là Vi-Đề-Hi, thấy con bất hiếu, nhàm chán những việc dữ, cầu Phật dạy phép tu hành đặng sanh về các thế giới không có kẻ dữ. Phật bèn nói kinh Quán-Vô-Lượng-Thọ-Phật, dạy bà tu hành đề vãng sanh về Cực-Lạc thế-giới.

Về sau ông Đề-Bà-Đạt-Đa cũng có mưu hại Phật vài lần nữa như thả voi dữ, lăng đá lớn vãn vãn, nhưng không hiệu quả gì. Hằng lâu vua A-Xá-Thế biết ăn năng, thân hành đến Trúc-Viên mà sám-hối và trở nên một vị đại-hộ-pháp.

Những xứ Phật đã thân hành đến giáo-hóa rất nhiều, xin lược ra như sau này :

- 1.) Ba-La-Nại thành (Lộc-giã-uyển),
- 2.) Vương-Xá thành (Trúc-Lâm Tinh-Xá, Linh-Thư-son, Ôn-tuyên-Lâm),
- 3.) Xá-Vệ-Thành (Kỳ-Hoàn Tinh-xá),
- 4.) Tỳ-Xá-Ly thành (Đại-lâm trùng các giảng đường, Ym-La-thọ viên, Ngưu-Giác lâm),
- 5.) Ca-Tỳ-La thành (Ni-câu-luật lâm),
- 6.) Kiêu-thưởng-Di thành (Cù-sử-la viên),
- 7.) Câu-thi hành (Xa-Là lâm).

XXIX. — Các vị đại-đệ-tử của Phật

Trong hàng đệ-tử của Phật, có mười vị gọi là thập đại đệ tử :

Bốn vị về dòng Bà-La-Môn :

- 1.) Ông Xá-Lợi-Phất là vị trí-huệ đệ nhất,
- 2.) Ông Mục-Kiền-Liên là vị thần-thông đệ nhất,
- 3.) Ông Đại-Ca-Diếp là vị tu định đệ nhất,
- 4.) Ông Ca-Chiên-Diên là vị luận-nghị đệ nhất ;

Ba vị về dòng Sát-Đế-Ly :

- 1.) Ông A-Nan-Đà là vị đa văn đệ nhất,
- 2.) Ông A-Nâu-Lâu-Đà là vị thiên-nhân đệ nhất,
- 3.) Ông La-Hầu-La là vị mật-hạnh đệ nhất ;

Hai vị về dòng Phệ-Xa :

- 1.) Ông Tu-Bồ-Đề là vị giải thông đệ nhất,
- 2.) Ông Phú-Lâu-Na là vị biện-tái đệ nhất ;

Một vị về dòng Thu-Đà-La :

1) Ông Ưu-Bà-Li tức là vị tri-luật đệ nhất.

Đến như những bậc trưởng lão như ba ông Ca-Diếp, ông Nan-Đà, ông Kiều-Trần-Như vân vân đến mấy ngàn người đều là những bậc Tỷ-Kheo có danh tiếng cả.

Về hạng Tỷ-Kheo-Ni thì có bà Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề, bà Da-Du-Đà-La, bà Liên-Hoa-Sắc, bà Khoán-Giã, vân vân.

Về Ưu-Bà-Tắc thì có vua Ba-Tư-Nặc, vua Tần-Bà-Xa-La, vua A-Xà-Thế, Thái-Tử Kỳ-Đà, ông Tu-Bạt-Đa, ông Duy-Ma-Cật, vân vân.

Về Ưu-bà-Di thì có Hoàng-Hậu Vi-Đề-Hi, Hoàng-Hậu Mạt-Lị, Công-chúa Thắng-Mạng, bà Thiện-sanh, bà Ti-Xá-Khur, bà Y-Ma-La vân vân.

Đó là những vị thường thấy tên trong kinh điển, đến như số đệ-tử của Phật thành-đạo chừng quả thì không thể kể xiết.

XXX.— Phật nhập-diệt nơi rừng Xà-La (Salavana)

Trong lúc Phật đi giáo hóa, các thầy ngoại-đạo thấy đệ-tử mình theo Phật, thường cũng có sanh lòng ganh ghét, tìm mưu này thế khác để ngăn trở, nhưng vì đức lớn của Phật nên phần nhiều đều biết ăn năn sám-hối trở lại quy-y theo Phật. Lúc Phật tuổi đã tám mươi, sau khi kết-hạ ngoài thành Tỷ-xá-Li ở rừng Trúc-phương, Phật xét cơ-duyên giáo-hóa đã viên-mãn, nên đến tháng mười một Phật bảo trước với đại-chúng rằng trong ba tháng nữa Phật sẽ Bát Niệt-bàn. Phật vắn vào thành khát-thực, nhóm chúng thuyết-pháp như thường. Gần nhập-diệt, Phật qua thành Câu-Thi, đến ngày 14 tháng hai, Phật thụ-trai lần chót do ông Thuần-Đà cúng dường, rồi đi tắm nơi sông Câu-Tôn và vào nghỉ trong rừng Xà-La nơi bờ phía tây sông A-Ly-La-Bat-Đề (Acirvati). Nửa đêm có ông Bà-la-môn già tên là Tu-Bạt-Đà-La đến xin yết Phật. Ông A-Nan biết Phật gần nhập-diệt không muốn cho vào, song Phật thương xót bảo cho ông đến tận nơi và giảng dạy cho ông nghe phép tử-đế. Ông

Tu-Bạt-Đà-La liền xin xuất-gia, đó là vị đệ-tử cuối cùng của Phật.

Trong lúc ấy cả đại-chúng biết Phật gần nhập-diệt thấy đều than khóc. Phật đập chúng lại, dạy lần cuối cùng, cho cả đại-chúng ai nghi chỗ nào đều phải hỏi cho cặn kẽ, Phật chỉ dạy chỉ tái, chỉ tam, đem cả bản-tự giáo về bản tự giáo, đến khi trong chúng không còn ai nghi ngại điều gì nữa thì Phật mới thông thả nhập-diệt; Phật nhập-diệt ngày rằm tháng hai, khi 81 tuổi.

Lúc ấy, ông Mục-Kiền-Liên, ông Xá-Lợi-Phất đã tịch rồi, ông Ca-Diếp đi hoằng-pháp phương xa, duy có ông A-Nan, ông A-Nâu-Lâu-Đa cùng các đệ-tử lo việc tần-liệm, tu pháp yếu bảy ngày cho thanh tịnh, rồi đưa quan-tài Phật vào cửa hướng đông thành Câu-Thì, ra cửa hướng bắc, đến chùa Thiên-quang, dâng làm lễ trà-tì. Ông Đại-Ca-Diếp về kịp, thấy đương đưa quan-tài tỏ lòng thương tiếc và ước ao thấy đặng cái tay hay cái chừng gì của Phật cho thỏa dạ. Phật liền đưa chung ra ngoài quan tài trong dây lát để an ủi lòng ai mộ của ông Ca-Diếp.

Khi trà-tì, các nước xung quanh nước Câu-Thì như nước Già-La-Phả, La-Ma-Ca, Tỳ-Lư-Đề, Ca-Tỳ-La, Tỳ-Xa-Li, Ma-Xà-Đà, vân vân, đều đến dâng xin xá-lợi của Phật gần muốn gây việc chiến-tranh, nhờ ông Hương-Tần điều đình mới yên. Sau khi trà-tì các nước cùng nhau chia càn những xá-lợi, về dựng pháp cúng dường. Về sau vua A-Dục chia Xá-lợi ra từ phần, mỗi phần ba viên để trong những tháp nhỏ và phân bố cho các nước.

Hiện nay, ở bên Tàu tỉnh Quảng-Đông, trong một tháp nhỏ trước bàn Phật mới hiện ra ba viên Xá-lợi của Phật đó chắc cũng là một cái tháp của vua A-Dục vậy.

THƠ HÒI CỦA ÔNG HOÀNG-HỮU-KHÁC

Bến - Ngự Huế

à Monsieur le Directeur de la Revue Viêt-Nam

Kinh Ngài,

Đạo Phật có sự có lý, lý nhờ sự mà rõ, sự do lý mà ra, những sự nhà Phật đã làm, đều là sự chánh đáng cả; duy có các sự cúng, sự tin tôi kể sau này, có đùng với Phật-sự và hiệp với Phật-lý không, tôi còn huyền-nghi lắm, xin ngài giải quyết che;

Các sự cúng

Cúng Thành,

- « Mu,
- « Bán con,
- « Đốt,
- « Sao,
- « Hạ,
- « Quan sát,
- « Bệnh tà,
- « Khử trùng,

Cúng Vớt đất,

- « Tổng mộc,
- « Tam-kỳ đạo lộ,
- « Táo-quân,
- « Thổ-công,
- « Bồn-mạng,
- « Ngũ-bảnh,
- « Các thần ngoại-đạo

Các sự tin

Bói khoa (nhất là sự xin xăm)

Số, tướng,

Phương - hướng, (nhất là sự dời má)

Ngày giờ,

Đồng bóng,

Đốt vàng bạc và đồ giấy;

Các sự cúng, sự tin đó, nếu nói đúng với Phật-sự và hiệp với Phật-lý, thì Phật khai-thị về kinh điển nào? Phật dạy làm thời sao? mà không làm thời sao?

Nếu nói không đúng với Phật-sự và không hiệp với Phật-lý, thì sao Tin-đồ nhà Phật có người lại cúng, lại tin, mà tăng-đồ cũng có thầy chịu tin các sự đó: cúng và tin như vậy có lợi ích gì? có hại gì đến tôn-giáo nhà Phật hay không? con nhà Phật có nên bỏ gấp đi không? hay là miễn cho biết « việc không đáng làm » mà thôi, chớ cúng cứ cúng, tin cứ tin, cũng được.

Nay kính.

Hoàng-hữu-Khác Bến-Ngự Huế



TRẢ LỜI THO' ÔNG HOÀNG-HỮU-KHẮC

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Những điều ngài hỏi thật có quan-hệ đến sự thờ-phụng và lòng tin-ngưỡng của tín-dồ Phật-giáo. Ở trong một xã-hội ít kẻ tinh-tường chánh-pháp như xứ ta, cái lòng xu-phụ và ỷ-lại thần-quyền khó bề tránh khỏi, nên những điều cúng cấp và tin-tưởng như trên ở đâu cũng có cả. Thật ra trong đạo Phật không bao giờ dạy như thế; chúng ta cứ lấy lý-trí mà xét thì cũng đã biết là dị-đoan mê-tin rồi.

Song trong nhà Phật mà có những điều kia là vì các vị tổ-sư khi ban đầu truyền-bá Phật-pháp ở xứ ta cần phải phương-tiện nương theo sự tin-ngưỡng phổ-thông của dân chúng mà dắt dẫn họ về chánh-tín.

Về sau, trong sơn-môn bất-học, lắm thầy không hiểu Phật-pháp, lại lắm người lợi-dụng lối mê-tin ấy làm kế sanh nhai, nên những lối cúng cấp sai lầm kia mỗi ngày mỗi tăng lên, hầu muốn che lấp cả chánh-pháp của Phật.

Những lối ấy cần phải lần lần bỏ hẳn, vì chẳng những nó không thể làm cho phát lòng chánh-tín, mà lại thường khiến cho những bực có học-thức thêm nghi ngờ dụ dụ.

Những vị học trò Phật đã phát Bồ-Đề-tâm như ngài nên gắng sức tuyên-dương chánh-pháp, phá-trừ mê-tin, đảo-tạo chơn-tăng để cho chơn-tướng của đạo Phật được thực hiện ở xứ ta một cách hoàn-toàn viên-mãn.

Chúng tôi rất trông mong.

Viên-Âm



PHƯƠNG-DANH NHỮNG ĐỘC-GIẢ VIÊN-ÂM
ĐÃ TRẢ TIỀN NĂM THỨ HAI

Thanh-Hóa		Saigon	
M. M. Tôn thất Toại	2.00	M. M. Minh Liên	2.00
Nguyễn lương Bình	2.00	Lê văn Đặng	2.00
Vinh		Nguyễn văn Miết	1.10
M. Đỗ Đắc	2.00	Dương tấn Tài	1.10
Đồng-Hới		Phạm đình Vinh	2.00
M. Huỳnh tăng Khiêm	4.00	Nguyễn phát Tân	2.00
Faifoo		Ngô quang Minh	2.00
M. M. Lê bá Khắc	2.00	Huỳnh văn Hiếu	2.50
Nguyễn văn Phú	2.00	Huỳnh đình Điền	2.00
Tourane		Lâm văn Hậu	2.00
M. Trần đình Nam	2.00	Cao xuân Hòa	2.00
Qui-Nhơn		Chợ-lớn	
M. Lê văn Kỳ	2.00	M. M. Nguyễn Văn Tân	
Nha Trang		dit Danh	2.00
M. M. Nguyễn Tường	2.00	Lê văn Chim	2.00
Nguyễn duy Hà	2.00	Trần văn Nhân	2.00
Phú-Yên		Hồ văn Thọ	2.00
M. M. Bùi hữu Thứ	2.00	Lương văn Đường	2.00
H. T. Dương thiện Phương	2.00	Tình độ cư Sĩ Phật-Học	2.00
Trần phổ Triêm	2.00	Charles Magne-	
Dran		Clairet	2.00
Mme Houiller	2.00	Trần ngọc Liễu	2.00
Phan-Rang		Nguyễn văn Thiện	2.00
M. Huỳnh văn Biên	2.00	Trần văn Đề	2.00
Phan-Rí		Gia-Định	
M. Nguyễn văn An	2.00	M. M. Trần văn Giá	2.00
Dalat		Trần văn Chà	2.00
Mme Phương	2.00	Huỳnh văn Thọ	2.00
		Ni cô Vui Thọ	2.00
		Trương trung Thịnh	1.00
		Huỳnh văn Thời	1.10
		Biên-Hòa	
		M. Nguyễn báo Nhơn	2.00

Trăng-Bàn

M. M. Nguyễn văn Tri	2.00
Nguyễn văn Đẹp	2.00

Cap St Jacques

M. Trần văn Thân	2.00
------------------	------

Mỹtho

M. M. Giáo thọ Hoàn-Thông	2.00
Nguyễn minh Hiền	2.00
Đốc phủ Ca	1.30

Béntre

M. Lê thiện Năng	2.00
------------------	------

Mocay

M. M. Trần công Châu	2.00
Phạm văn Thông	2.00
Phan tấn Nguyễn	2.00

Vĩnh-Long

M. M. Nguyễn văn Nhứt	2.00
Phạm văn Ký	2.00
Nguyễn văn Mão	2.00
Phau văn Cấn	1.00
Nguyễn văn Nhâm	1.00
Ngọc Anh	1.00
Hoàng Huệ	1.00
Nguyễn văn Lâu	2.00
Lê đình Hiền	1.00

Bắc-Liêu

M. M. Vương hữu Hậu	2.00
Trần văn Tia	2.00
Trần hoài An	2.00
Trần quang Hạnh	2.00

Soctrang

M. Lê Phước Chí	2.00
-----------------	------

Long-Xuyên

M. M. Phật Giáo Liên hữu-Hội	2.00
Trịnh công Nguru	1.00

Châu-Đốc

M. M. Nguyễn văn Chiêu	2.00
Nguyễn tấn Sĩ	2.00
Yết ma chùa Pháp Võ	1.00
Trương tấn Vị	2.00
Trương hữu Hiệu	2.00
Trương quang Kiêm	2.00
Melle Hữu chí Ni cô	2.00
Mme Lư thị Tràng	2.00

Sadec

Mme Ngô thị Ngợi	2.00
M. M. Thầy Bảy	2.00
Nguyễn thành gia	2.00
Bùi quảng Điền	3.00
Nguyễn văn Hương	1.00
Nguyễn văn Vui	2.00

Cao Lãnh

M. Đoàn văn Thiệu	2.00
-------------------	------

Cântho

M. M. Võ văn Hào	2.00
Trần Nga	2.00
Nguyễn phước Tài	1.00
Đặng khác Kỹ	1.60
Nguyễn công Bán	2.00

Omon

M. M. Bùi hữu Lực	2.00
Nguyễn văn Tân	2.00
Nguyễn hữu Truyến	2.00
Bùi quang Đạo	2.00
Trần văn Hay	2.00
Trần tấn Kiệt	2.00

Gò-Công

M. Phạm văn Bửu	4.00
-----------------	------

Thủđao

M. Nguyễn văn Nhung	2.00
---------------------	------

(còn nữa)



DỰ CÁO

SỐ 17

Sẽ có những bài :

Niết-Bàn, Tại-gia và xuất-gia,
Làm ruộng, vàn vàn



PHẬT HỌC TẬP CHÍ

TIẾNG CHUÔNG SỚM

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ

Ngày 1 và 15 tháng ta

Giá

một năm 2\$40

sáu tháng 1. 20

mỗi số 0. 10

Thơ từ và mandat xin gửi cho cụ **ĐỒ-VĂN-HỮ**,
Tăng-Cang Hòa-Thượng, chủ-nhiệm Tiếng Chuông
Sớm, Bốt postale n° 90

Hanoi

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

NGUYỆT SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HUẾ

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Hué

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin Indochinois

Boite postale N° 73 — Hué

CHÚNG TÔI XIN GIỚI THIỆU :

DUY TÂM TẬP CHÍ

là một cơ-quan tuyên-truyền Phật-Pháp của Hội Lương-Xuyên Phật-Học tại Tràvinh.

Bộ biên tập gồm có nhiều nhà sư thông hiểu Phật-Pháp và Cư-sĩ tân-học giúp sức.

Nội-dung bài vở đặc sắc, văn lý gọn-gàng dễ hiểu, Cách Sắp Bặt Rất Hiệp Với Thời Cơ.

Giá đồng niên : 2\$00

Bài vở xin gửi cho : Hòa-Thượng Huệ-Quang

Chủ-Nhiệm DUY-TÂM

à Tràvinh

Mandat xin gửi cho : M. Nguyễn-văn-Khỏe

Médecin indochinois

Administrateur du « DUY-TÂM »

à Tràvinh (Nam-kỳ)